

Số/No : 60 /CBTT-2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2021  
HoChiMinh City , April. 19<sup>th</sup> , 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES COMMISSION'S  
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
To: - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN  
/ *GARMEX SAIGON CORPORATION*
  - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
  - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp,  
Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District,  
HoChiMinh City*
  - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
  - Fax: 028 - 39844746
  - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng  
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type*:  *Periodic*  *Irregular*  *24 hours*  *On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố Báo cáo thường niên năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày  
19/04/2021 tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>  
*This information was disclosed on Company's Portal on date April. 19<sup>th</sup>, 2021*  
*Available at: https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm  
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be  
legally responsible for any misrepresentation.*

**Nơi gửi**

- Như trên
- Lưu VP

**Đại diện tổ chức/ Organization representative**

Người UO CBTT/ Party authorized to disclose information

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN MINH HẰNG**



**GARMEX SAIGON**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Mã số Doanh nghiệp : 0300742387 website : <https://www.garmex.vn>  
Tel: 028-39844822 Fax: 028 - 39844746 Email : [headoffice@garmexjs.com](mailto:headoffice@garmexjs.com)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

# MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>Trang 3</b>
1. Thông tin khái quát	Trang 3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	Trang 4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	Trang 5
4. Định hướng phát triển	Trang 9
5. Các nhân tố rủi ro	Trang 10
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020</b>	<b>Trang 12</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	Trang 12
2. Tổ chức và nhân sự	Trang 14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	Trang 22
4. Tình hình tài chính	Trang 24
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	Trang 26
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2020</b>	<b>Trang 29</b>
1. Môi trường kinh doanh 2020	Trang 29
2. Tình hình tài chính	Trang 30
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	Trang 31
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	Trang 31
5. Báo cáo phát triển bền vững	Trang 32
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020</b>	<b>Trang 35</b>
1. Đánh giá về tình hình kinh tế thế giới đến Việt Nam	Trang 35
2. Đánh giá về tình hình ngành dệt may năm 2020	Trang 35
3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty năm 2020	Trang 35
4. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	Trang 36
5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	Trang 37
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>Trang 38</b>
1. Hội đồng Quản trị	Trang 38
2. Ban Kiểm soát	Trang 43
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020 ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	<b>Trang 50</b>

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Tên Tiếng Anh: Garmex Saigon Corporation
- Tên viết tắt: Garmex Saigon
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày lần đầu 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 22/09/2020
- Vốn điều lệ: 300.052.800.000 đồng (Theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020: 658.428.233.975 đồng
- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3984 4822                      Số fax: (028) 3984 4746
- Website: [www.garmex.vn](http://www.garmex.vn)                      Email: [headoffice@garmexjs.com](mailto:headoffice@garmexjs.com)
- Mã cổ phiếu: GMC

## Quá trình hình thành và phát triển

### Năm 1976

Công ty được thành lập vào năm 1976 - một năm sau ngày đất nước thống nhất với tên gọi là Liên hiệp Các Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị chủ quản quản lý một số lượng khá lớn các xí nghiệp may xuất khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 213 Hồng Bàng, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### Năm 1993

Năm 2013, Liên hiệp Xí nghiệp May Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức lại thành Công ty Sản Xuất - Xuất nhập khẩu May Sài Gòn (Garmex Saigon).

### Năm 2004

Năm 2004, Garmex Saigon tiến hành cổ phần hóa. Cho đến thời điểm này, Garmex Saigon đang hoạt động với 3 Xí nghiệp trực thuộc gồm: Xí nghiệp May An Nhơn, Xí nghiệp May An Phú và Xí nghiệp May Bình Tiên. Trụ sở chính của Công ty đặt tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### Năm 2006

Năm 2006, Garmex Saigon niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã chứng khoán là GMC. Trụ sở chính của Công ty vẫn đặt tại 236/7 (nay đổi lại là 252) Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### Năm 2012

Năm 2012, Garmex Saigon được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi bật về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Năm 2013**

Năm 2013, Garmex Saigon vinh dự nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3 do những thành tích đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống của Người Lao Động. Trong năm, Garmex Saigon cũng vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 “Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất”.

### **Năm 2014**

Năm 2014, Garmex Saigon lần thứ 2 được Columbia Sportswear (Mỹ) trao tặng Cúp Performance Excellence cho những thành tích nổi trội về chất lượng, thời gian giao hàng, khả năng phát triển mẫu, và trách nhiệm với cộng đồng xã hội trong Hội nghị Thượng đỉnh thường niên tổ chức tại Hà Nội. Garmex Saigon tiếp tục vinh dự được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là 1 trong 50 “Doanh Nghiệp Niêm Yết tại Việt Nam Có Hoạt Động Tốt Nhất”.

### **Năm 2018**

Công ty đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

### **Năm 2019**

Công ty tiếp tục đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp có báo cáo quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

Tháng 07/2019, Công ty tăng vốn điều lệ lên 178.809.280.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Ngày 13/11/2019, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp. Số lượng dự kiến phát hành 8.916.157 cổ phiếu, Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành là 267,9 tỷ đồng

### **Năm 2020**

Công ty tiếp tục đoạt giải Top 5 Doanh nghiệp quản trị Công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.

Ngày 14/01/2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ lên 267.963.650.000 đồng.

Ngày 31/08/2020, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019, tăng vốn điều lệ lên 300.052.800.000 đồng.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### Ngành nghề kinh doanh:

- May trang phục, trừ trang phục từ da và lông thú, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

### Địa bàn kinh doanh:

Sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản

Khách hàng:

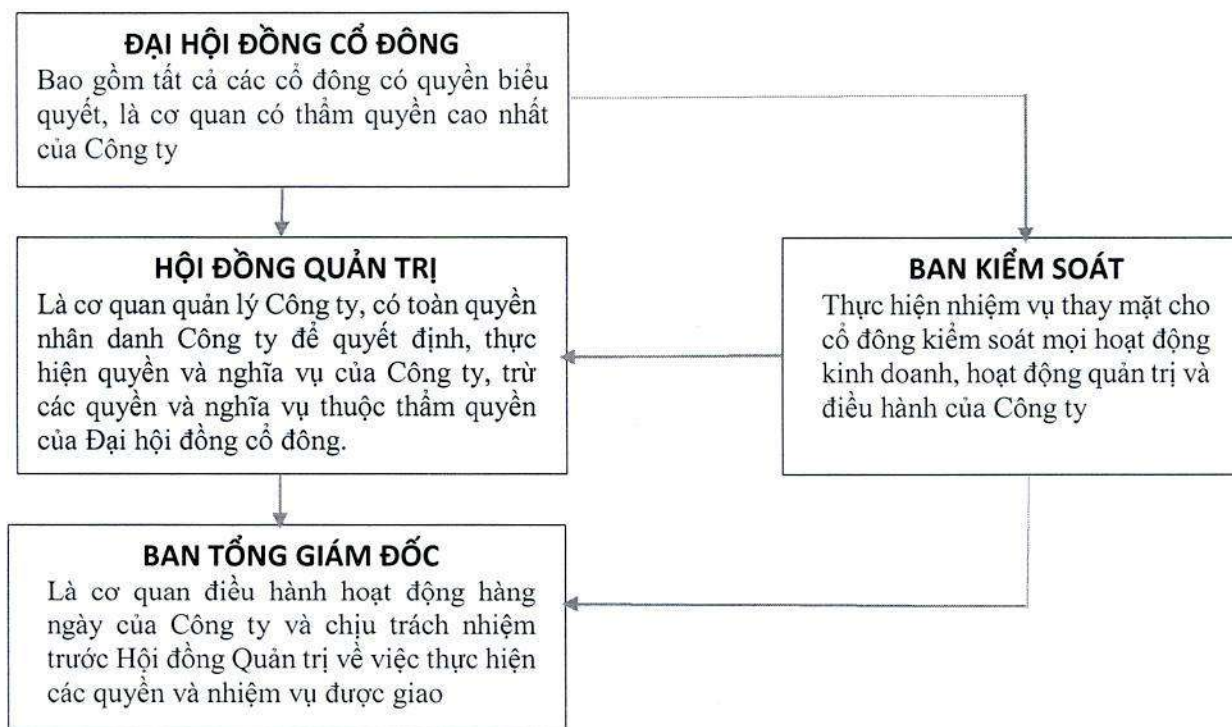
Một số khách hàng lớn của Công ty bao gồm: Decathlon (Pháp), Columbia (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Teijin Frontier (Nhật Bản), Sport Master (Nga), Outfits (Đan Mạch)

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1. Mô hình quản trị

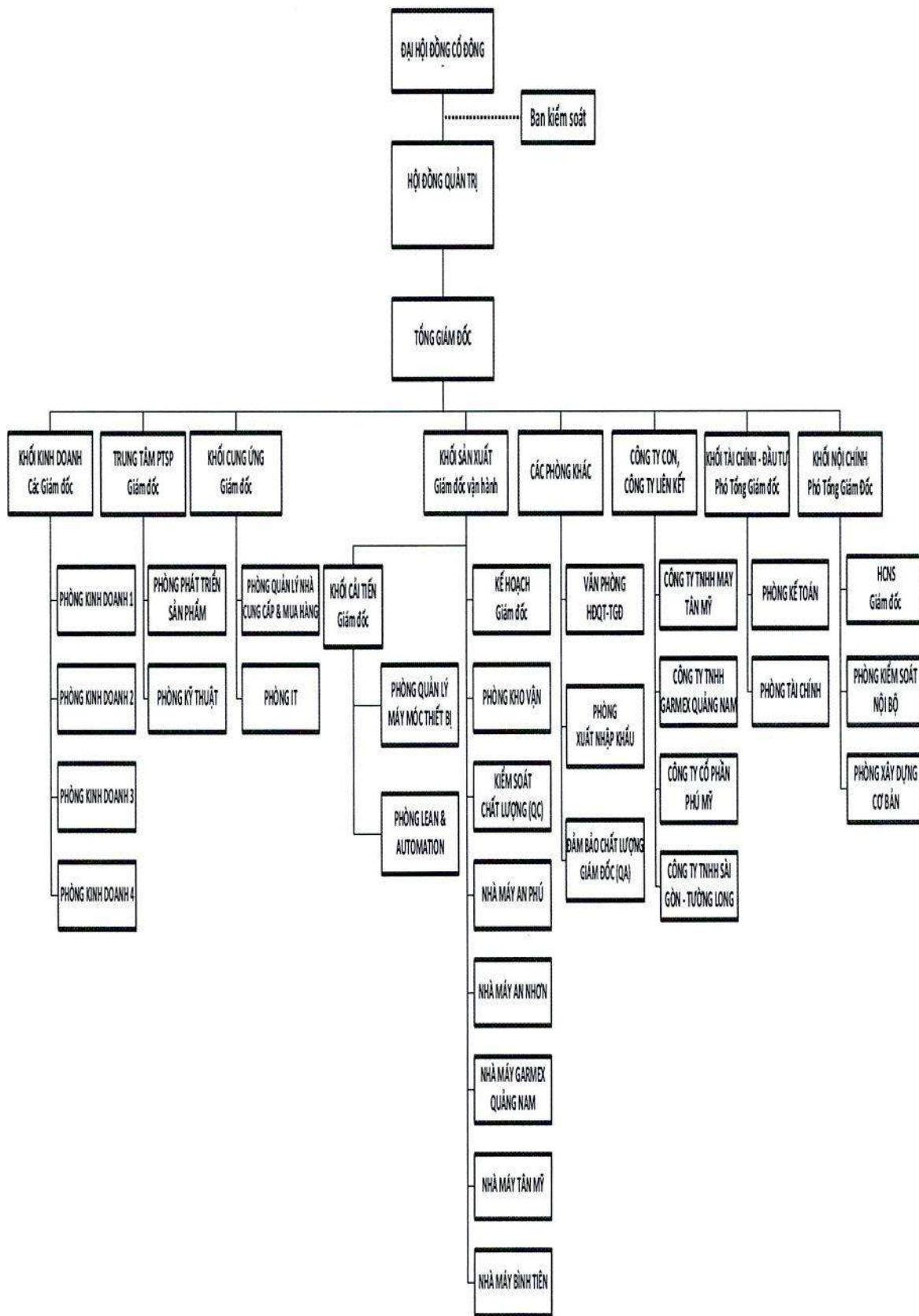
Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN



### **3.3. Các công ty con, liên kết, chi nhánh**

#### **3.3.1. Chi nhánh của Công ty :**

##### **3.3.1.1. Nhà máy May An Nhơn**

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực: 15 chuyên
- Thị trường chủ yếu : Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Teijin Frontier (Nhật Bản), Nits (Nhật Bản), Sport Master (Nga), Outfits (Đan Mạch)

##### **3.3.1.2 Nhà máy May An Phú**

- Địa chỉ: 14/5 Quốc lộ 22, Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 14.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực: 20 chuyên
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu
- Khách hàng chủ yếu: Decathlon (Pháp), Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Outfits (Đan Mạch)

##### **3.3.1.3. Nhà máy May Bình Tiên**

- Địa chỉ: 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Diện tích xây dựng 637 m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích sàn: 2.872 m<sup>2</sup>
- Năng lực : 02 chuyên may mẫu sản xuất và các đơn hàng nhỏ

##### **3.3.1.4 Trung Tâm phát triển sản phẩm:**

Thành lập tháng 09/2020 đang tiến hành đầu tư chưa hoạt động, dự kiến tháng 6/2021 sẽ đi vào hoạt động

- Địa chỉ: 213 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Tổng diện tích sàn sử dụng: 2.632 m<sup>2</sup>
- Ngành nghề kinh doanh chính : Phát triển sản phẩm may mặc
- Năng lực dự kiến: 02 chuyên may mẫu phát triển sản phẩm may mặc

#### **3.3.2. Công ty con:**

##### **3.3.2.1. Công ty TNHH May Tân Mỹ**

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 VND
- Tỷ lệ sở hữu: 100%



- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất hàng May mặc
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển)
- Diện tích: 50.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực sản xuất: 36 chuyên

#### **3.3.2.2. Công ty TNHH Garmex Quảng Nam**

- Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ thực góp: 86.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất hàng May mặc
- Công ty TNHH Garmex Quảng Nam có :

##### **Chi nhánh của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam: Nhà máy May Garmex Quảng Nam**

- Địa chỉ: Lô B/B2, Cụm Công Nghiệp Hà Lam Chợ Đước, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Decathlon (Pháp)
- Diện tích: 26.000 m<sup>2</sup>
- Năng lực: 30 chuyên

##### **Công ty con Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC) - 100% vốn của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam**

#### **3.3.2.3 Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long**

- Địa chỉ: Số 05 Đại Lộ Thống Nhất – Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 51%
- Ngành nghề kinh doanh chính: mua bán, sản xuất quần áo các loại

#### **3.3.3. Công ty liên kết**

##### **Công ty cổ phần Phú Mỹ:**

- Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.
- Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm khu công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu: 32,47% Vốn cổ phần
- Giá trị đầu tư: 4.341.000.000 VND

#### 4. Định hướng phát triển

##### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Thị trường: Tập trung phát triển thị trường xuất khẩu; giữ vững uy tín với các khách hàng truyền thống như Mỹ, Pháp, Nhật ...; thắt chặt mối quan hệ hợp tác với khách hàng hiện tại, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các thị trường tiềm năng khác.
- Chất lượng sản phẩm: Đảm bảo tất cả nhân công đều có tay nghề, chuyên môn cao; đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động nhằm hướng đến các sản phẩm chất lượng, có hàm lượng công nghệ cao.
- Hệ thống quản lý: Tiếp tục hoàn thiện mô hình sản xuất Lean - Thực hiện Lean & Automation, 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Sẵn sóc – Sẵn sàng) cùng chiến lược phát triển 3P (Lao động – Sản phẩm – Giá) nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh.
- Năng lực sản xuất: Đầu tư phát triển nguồn nhân lực với phương châm con người là yếu tố cốt lõi hàng đầu kết hợp đầu tư máy móc thiết bị. Hình thức bán hàng theo phương thức FOB đóng vai trò chủ đạo, xây dựng cơ sở, nền tảng hướng đến phương thức ODM (Thiết kế - Sản xuất - Bán hàng).

##### Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển năng lực sản xuất tại các nhà máy lên 150 chuyên may đến năm 2024.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý, sản xuất trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực với quan điểm “Đầu tư chiều sâu, giảm thiểu thâm dụng lao động”
- Nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu với sản phẩm chất lượng có mẫu mã phức tạp, mang yếu tố kỹ thuật cao.

##### Các mục tiêu phát triển bền vững :

**Đối với môi trường:** Công ty luôn ý thức bảo vệ môi trường thông qua công tác giám sát xây dựng và hoàn thiện mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, tránh gây ra ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước; Luôn tuân thủ, chấp hành các quy định, chính sách về môi trường mà nhà nước đã đề ra.

**Văn hóa:** Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với tôn chỉ “Nhân lực là vốn quý của Doanh nghiệp”, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần người lao động; xây dựng chính sách lương, thưởng, trợ cấp phù hợp; thúc đẩy công tác đào tạo- tự đào tạo; tất cả CBCNV đều được quan tâm tạo điều kiện phát triển, phát huy tối đa năng lực, môi trường làm việc thân thiện “cùng làm việc – cùng chia sẻ thành công”

**Pháp lý:** Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan đến hoạt động sản xuất xuất khẩu hàng may mặc của Công ty, đảm bảo thực hiện các cam kết đối với khách hàng và người lao động

**Sản phẩm:** Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng và tập trung phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của khách hàng; kết hợp giữa tay nghề cao của nhân công và công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm chất lượng, mẫu mã đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

## **5. Các nhân tố rủi ro**

### ***Rủi ro kinh tế:***

Năm 2020, nền kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề do đại dịch COVID-19 và còn ảnh hưởng bởi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cùng với xu hướng bảo hộ thương mại. Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2020 cũng tăng trưởng chậm lại với GDP tăng trưởng 2,91% - là mức tăng trưởng thấp nhất của thập kỷ 2011-2020 với giá trị xuất khẩu hàng dệt may đạt 35,2 tỉ USD - giảm 9,3% với năm 2019

Riêng với Garmex Sài Gòn, hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất xuất khẩu, phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế trong và ngoài nước do tác động trực tiếp đến nhu cầu của người tiêu dùng, đơn hàng giảm. Vì vậy, Công ty luôn theo dõi, cập nhật tình hình kinh tế, kịp thời đưa ra phương án giải quyết những vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh như chuyển đổi gia công hàng tu công nghiệp khi đơn hàng may mặc giảm. Đồng thời, có kế hoạch đầu tư phát triển khi kinh tế hồi phục - Công ty đầu tư Trung tâm phát triển sản phẩm, đầu tư máy móc thiết bị chuyên dụng để chuyển đổi dần phương thức bán hàng sang ODM nhằm tăng tỷ suất sinh lợi cho Công ty và nắm bắt cơ hội từ các Hiệp định quốc tế như CPTPP và EVFTA.

### ***Rủi ro lãi suất :***

Năm 2020 với việc FED hạ và giữ lãi suất ở biên độ 0% – 0,25% cùng với xu hướng giảm giá của USD trên thị trường quốc tế, đã tạo điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước trong việc điều hành tỷ giá ổn định nhằm hạn chế tác động bất ổn đến tỷ giá và lãi suất.

Tỷ lệ nợ vay Ngân hàng của Công ty chiếm 30% tổng tài sản của Công ty. Đây là đặc thù của ngành sản xuất theo phương thức FOB, dùng vốn vay để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động lớn của Công ty. Do đó, nhằm hạn chế rủi ro lãi suất ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty, Công ty xây dựng các kế hoạch, phương án sử dụng chi phí sản xuất hợp lý, giảm áp lực đối với vốn lưu động, chi phí lãi vay. Đồng thời, Công ty thường xuyên theo dõi, phân tích thị trường, đánh giá biến động của lãi suất để đưa ra kế hoạch sản xuất phù hợp, đảm bảo ổn định doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

### ***Rủi ro tỷ giá:***

Năm 2020, tỷ giá USD/VND duy trì ổn định ngoại trừ giai đoạn biến động vào tháng 03/2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất, xuất khẩu hàng may mặc, Công ty cũng chịu tác động lớn khi có biến động tỷ giá. Do đó, Công ty luôn giao dịch tỷ giá trong ngắn hạn, sử dụng tỷ giá giao ngay khi mua bán ngoại tệ để thanh toán đơn hàng và nhận thanh toán từ khách hàng.

### ***Rủi ro đặc thù ngành:***

#### **Nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu của ngành dệt may Việt Nam chủ yếu được nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu về số lượng, chất lượng đầu vào. Việc nhập khẩu nguyên vật liệu sẽ làm tăng chi phí sản xuất, giảm lợi nhuận kinh doanh khi có biến động về giá nguyên vật liệu đồng thời cũng ảnh hưởng đến thời gian sản xuất của các công ty thuộc ngành dệt may có nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Nguồn doanh thu chính của Công ty đến từ các đơn hàng FOB và nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, do đó rủi ro nguyên vật liệu ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phối hợp với các nhà cung cấp do khách hàng chỉ định, đưa ra kế hoạch

cung cấp nguyên liệu cụ thể cho từng đợt đơn hàng. Phối hợp với khách hàng phát triển nhà cung cấp nhằm cố định và gia tăng nguồn cung ứng. Đồng thời, Công ty còn lên kế hoạch chuyển đổi dần phương thức kinh doanh để chủ động hơn về nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh ảnh hưởng đến thời gian sản xuất của Công ty.

#### Nguồn nhân công:

Hơn 50% chi phí của các công ty ngành may mặc là chi phí nhân công do đây là ngành có mức độ sử dụng lao động cao. Nghị định 90/2019/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được ban hành và có hiệu lực ngày 01/01/2020 cũng ảnh hưởng ít nhiều đến chi phí lao động tại các doanh nghiệp may mặc. Lợi thế lao động giá rẻ của Việt Nam đã và đang mất dần; thay thế bằng lao động tại các nước Myanmar, Ai Cập, Morocco, Tunisia .... làm giảm các đơn hàng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, chất lượng lao động ổn định cũng được quan tâm hàng đầu bởi các yêu cầu của thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe hơn, đòi hỏi nhân công phải có tay nghề cao; ngoài ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang thu hút lao động có chuyên môn của các doanh nghiệp ngành may mặc, ảnh hưởng đến nguồn lực, thời gian đào tạo lao động mới, gây khó khăn cho các doanh nghiệp ngành dệt may nói chung và Garmex Sài Gòn nói riêng.

Hiện nay, Công ty thực hiện chính sách “thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, tăng đầu tư máy móc, thiết bị chuyên dụng, tự động hóa dần trong sản xuất để tránh những rủi ro biến động lao động. Đồng thời, Công ty nâng cao đời sống người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, trợ cấp.

#### Luật pháp:

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu hàng may mặc nên Công ty chịu sự chi phối của Luật quốc tế và các quy định, chính sách đối với ngành dệt may. Bên cạnh đó, Công ty còn bị ảnh hưởng bởi Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp lý liên quan khác. Sự thay đổi về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ngành dệt may và Luật quốc tế đều ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và toàn ngành dệt may nói chung.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Luật Chứng khoán mới và có hiệu lực ngày 01/01/2021 nhằm cải thiện môi trường, hoàn chỉnh quy chuẩn về các hoạt động trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong giai đoạn bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống luật pháp để phù hợp với tình hình thực tại, tạo dựng môi trường kinh doanh văn minh, minh bạch hơn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Để đề phòng sự ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty luôn nắm bắt và cập nhật những quy định mới, đưa ra các thay đổi phù hợp về chính sách quản lý, chiến lược kinh doanh cho Công ty.

#### Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty; duy tu bảo dưỡng cơ sở vật chất hạ tầng, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ nhân viên về những kiến thức cần thiết để đảm bảo an toàn khi có rủi ro xảy ra, luôn chủ động lên kế hoạch phòng ngừa, ứng phó kịp thời.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam

Năm 2020, kinh tế thế giới đối diện với nhiều khó khăn, thách thức không chỉ từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung mà đại dịch COVID-19 đã gây ra tình trạng gián đoạn các chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hẹp tổng cung và tổng cầu, gia tăng rủi ro tài chính thông qua các gói hỗ trợ kinh tế lớn làm gia tăng nợ công, thâm hụt ngân sách của các quốc gia, đưa kinh tế thế giới vào vòng suy giảm, tăng trưởng âm. (WB dự báo GDP toàn cầu giảm 4,3% năm 2020).

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, với quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu kép : vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh, Việt Nam đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh Covid -19 và đạt được mức tăng trưởng GDP là 2,91% so với năm 2019 và thuộc nhóm nước có nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới.

#### Tình hình ngành may mặc

Trong năm 2020, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành may mặc nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19 và sự cạnh tranh giữa các quốc gia dệt may ngày càng gay gắt hơn do cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại, làm các đơn hàng may mặc xuất khẩu giảm và dần chuyển sang các quốc gia có chi phí nhân công rẻ hơn như: Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ. Do đó theo Hiệp hội dệt may Việt Nam, trị giá xuất khẩu hàng dệt may năm 2020 đạt 35,2 tỷ USD giảm 9,3% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam đã và đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam để chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi kinh tế hậu Covid-19, đầu tư sản xuất, tận dụng các cơ hội của CPTPP và các FTA đã ký kết. Tuy nhiên, quy tắc xuất xứ là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp ngành may tại Việt Nam khi phần lớn các nguyên liệu đầu nhập khẩu từ Trung Quốc do trong nước không đáp ứng đủ nguyên vật liệu để sản xuất và các doanh nghiệp may hiện tại của Việt Nam vẫn chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào.

Đứng trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và ngành may mặc, đơn hàng xuất khẩu của Công ty giảm 22%, Công ty phải tăng cường tìm đơn hàng gia công trong nước để ổn định sản xuất, ổn định lực lượng lao động và đảm bảo mục tiêu doanh thu, lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời chuẩn bị nguồn lực khi kinh tế hồi phục bằng việc xây dựng và thực hiện các biện pháp như sau:

- Công ty đánh giá, cơ cấu lại bộ máy hoạt động của từng bộ phận, phòng ban, tạo nền tảng và cơ sở cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.
- Các quy trình sản xuất đã được cải tiến, hệ thống quản lý chất lượng dần hoàn thiện góp phần giảm chi phí trong sản xuất.
- Quản lý tốt chuỗi cung ứng, xây dựng, cập nhật các kế hoạch, phương án phù hợp cho từng đơn hàng nhằm quản lý tiêu hao nguyên phụ liệu, cung ứng kịp thời, giảm thời gian chờ việc, gián đoạn trong sản xuất.

- Tăng cường tuyển dụng lao động để mở rộng quy mô sản xuất.
- Chuyển đổi nhanh và kịp thời đơn hàng tại một số Nhà máy của Công ty.

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2020 so với 2019
1	Doanh thu thuần	1.747.771	1.474.566	-15,63%
2	Giá vốn hàng bán	1.454.755	1.272.030	-12,56%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	6.804	11.628	70,90%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	162.808	149.237	-8,34%
5	Phần lỗ trong công ty liên kết	0	2.562	100,00%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	137.012	62.365	-54,48%
7	Lợi nhuận khác	-2.146	2.542	-218,45%
8	Lợi nhuận trước thuế	134.866	64.907	-51,87%
9	Lợi nhuận sau thuế	104.449	46.414	-55,56%
10	Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	4.965	1.564	-68,50%

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 1.475 tỷ đồng, giảm 15,63% và lợi nhuận trước thuế là 64,9 tỷ đồng, giảm 51,87% so với năm 2019. Trong đó, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 62,3 tỷ đồng, giảm 54,48% so với năm 2019. Tuy kết quả kinh doanh giảm so với năm 2019, nhưng đã thể hiện sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã luôn vững vàng vượt qua thách thức, khó khăn của ngành may nói riêng và tác động của dịch bệnh Covid 19, được khẳng định qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 03 năm gần đây như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	TH 2019	TH 2020	KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ
							KH 2020	Tăng/Giảm
								2020 so với 2019
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	2.038.901	1.747.771	1.474.566	1.300.000	113.43%	-15,63%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	141.462	134.865	64.908	23.000	282.21%	-51,87%
3	Tỷ lệ LNTT/DTT	%	6,94%	7,72%	4,40%	1,77%	248.80%	43,00%
4	Cổ tức/VĐL	%	30%	12%		5%		

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Cơ cấu nhân sự ban lãnh đạo

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Căn cứ Danh sách chốt ngày 26/08/2020)	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không độc lập, không điều hành)	0 cổ phần	0%	
		Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	4.749.732 cổ phần	15,83%	Tổ chức có liên quan
		Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	1.404.698 cổ phần	4,68%	Tổ chức có liên quan
2	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT không độc lập kiêm Tổng Giám đốc điều hành	0 cổ phần	0,00%	
		Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	871.211 cổ phần	2,90%	Tổ chức có liên quan
		Cty cổ phần Dệt May Gia Định	3.022.390 cổ phần	10,07%	Tổ chức có liên quan
3	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	0 cổ phần	0 %	
		Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	871.211 cổ phần	2,90%	Tổ chức có liên quan
		Công ty cổ phần Dệt May Gia Định	3.022.390 cổ phần	10,07%	Tổ chức có liên quan
4	Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	2.142.810 cổ phần	7,14%	Cá nhân sở hữu
		Công ty TNHH Tân Á	562.610 cổ phần	1,88%	Tổ chức có liên quan
		Công ty TNHH Thương mại Á Châu	562.610 cổ phần	1,88%	Tổ chức có liên quan

5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	0 cổ phần	0%	
		Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A	4.551.170 cổ phần	15,17%	Tổ chức có liên quan
6	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT không độc lập, Phó Tổng Giám đốc điều hành	31.044 cổ phần	0,1%	Cá nhân sở hữu
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	75.905 cổ phần	0,25%	Cá nhân sở hữu

### BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Căn cứ Danh sách chốt ngày 26/08/2020)	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng ban	7.610 cổ phần	0,025%
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên	7.611 cổ phần	0,025%
3	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên	0 cổ phần	0,00%

### BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Căn cứ Danh sách chốt ngày 26/08/2020)	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ	Ghi chú
1	Lê Hùng	Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0,00%	
2	Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	31.044 cổ phần	0,10%	
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0,00%	

## 2.2. Tóm tắt Lý lịch nhân sự

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **BÙI TUẤN NGỌC – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngày tháng năm sinh: 21/02/1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Cử nhân Kinh tế ngoại thương

#### **Quá trình công tác:**

– 1988 – 1992 : Cán bộ Xí nghiệp XDCB SEAPRODEX – Bộ Thủy sản



- 1992 – 1993 : Cán bộ tại liên hiệp DVSTMT TP. Hồ Chí Minh
- 1993 – 1994 : Cán bộ tại TT TM LD Việt – Xô TP. HCM (ROSVIETIMPEX)
- 04/2008 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Transimex
- 2009 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt
- 2012 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VINAPRINT
- 07/2016 – nay : Phó chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần XNK và Đầu tư Chợ Lớn
- 05/12/2018 – nay : Chủ Tịch HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- 06/2020 – nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Phú Nhuận

**Chức vụ hiện nay:** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX)
- Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần VINAPRINT
- Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Vina
- Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần Transimex
- Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt
- Phó Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vinafreight
- Phó Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần XNK và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn (HOTRACO)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics JSC)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Phú Nhuận

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Tổ chức có liên quan nắm giữ:
  - + Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt : 1.404.698 cổ phần, chiếm 4,68% Vốn điều lệ
  - + Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải : 4.749.732 cổ phần, chiếm 15,83% Vốn điều lệ

**BÙI MINH TUẤN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngày tháng năm sinh: 28/02/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

**Quá trình công tác:**

- 2002 – 2013 : Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Đất Mới
- 2007 – nay : Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Vina
- 2013 – nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Transimex
- 07/2016 – nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần XNK và Đầu tư Chợ Lớn
- 05/2017 – nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần VINAPRINT
- 05/12/2018 – nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- 06/2020 – nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Phú Nhuận

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu tư Vina
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần VINAPRINT
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Thương mại Phú Nhuận
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Merufa
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư T.T.A
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Transimex (TMS)

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Tổ chức có liên quan nắm giữ:
  - + Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A : 4.551.170 cổ phần, chiếm 15,17% Vốn điều lệ

**LÊ HÙNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC**

Ngày tháng năm sinh: 24/08/1974

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- 05/2010 - 04/2011 : Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- 04/2011 – 09/2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- 04/2011 – nay : Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- 05/12/2018 – nay : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty Cp Garmex Sài Gòn.

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dệt May Gia Định

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Tổ chức có liên quan nắm giữ:
  - + Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh : 871.211 cổ phần, chiếm 2,90% Vốn điều lệ
  - + Công ty cổ phần Dệt May Gia Định : 3.022.390 cổ phần, chiếm 10,07% Vốn điều lệ

**NGUYỄN VIỆT CƯỜNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngày tháng năm sinh: 27/10/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên viên kế toán, kiểm toán quốc tế (FCCA)

**Quá trình công tác:**

- 1998 – 2002 : Kiểm toán viên cao cấp tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế KPMG
- 2003 – 2004 : Trưởng phòng kế toán quản trị tại công ty TNHH Unilever Bestfoods Vietnam

- 2004 – 2006 : Giám đốc Đầu tư tại Công ty VinaCapital Investment Management Ltd
- 2006 – 2012 : Phó Giám Đốc Điều hành tại Công ty VinaCapital Corporate Finance VN Co.,Ltd
- 2012 – nay : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
- 05/12/2018 – nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dệt may Gia Định

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Tổ chức có liên quan nắm giữ:
  - + Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh : 871.211 cổ phần, chiếm 2,90% Vốn điều lệ
  - + Công ty cổ phần Dệt May Gia Định : 3.022.390 cổ phần, chiếm 10,07% Vốn điều lệ

**LÂM TỬ THANH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngày tháng năm sinh: 31/05/1958

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- 1992 – nay : Giám đốc Công ty TNHH TM Á Châu
- 1995 – nay : Giám đốc Công ty TNHH Tấn Á
- 05/2009 – nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay** : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Á Châu
- Giám đốc Công ty TNHH Tân Á
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn (NSG)

**Tổng số cổ phần nắm giữ:**

- Cá nhân sở hữu : 2.142.810 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,14% Vốn Điều lệ
- Tổ chức có liên quan nắm giữ:
  - + Công ty TNHH Thương mại Á Châu : 562.610 cổ phần, chiếm 1,88% Vốn điều lệ
  - + Công ty TNHH Tân Á : 562.610 cổ phần, chiếm 1,88% Vốn điều lệ.

**NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ngày tháng năm sinh: 12/01/1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Ngành Quản trị)

**Quá trình công tác:**

- 01/1987 – 07/1987 : Công nhân May Xí nghiệp may Sài Gòn 1

- 08/1987 – 03/1993 : Bí thư Đoàn Thanh niên chuyên trách XN May Sài Gòn 1 kiêm Phó Bí thư Đoàn TN Công ty SX – XNK may Sài Gòn
- 04/1993 – 04/2000 : Bí Thư Đoàn TN kiêm Nhân Viên LĐTL, kiêm Phó Quản Đốc Xí Nghiệp May Garmex 1
- 05/2000 – 03/2002 : Phó phòng TCHC Xí Nghiệp May Garmex 1
- 03/2002 – 12/2003 : Trưởng phòng TCHC TCHC Xí nghiệp may Garmex 1
- 01/2004 – 04/2009 : Trưởng phòng TCHC XN May Garmex An Nhơn
- 05/2009 – 05/2010 : Ủy viên thường vụ Đảng Ủy, Phó Chủ Tịch Công đoàn Công ty, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính kiêm trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn.
- 06/2010 – 31/12/2019 : Bí thư Đảng ủy, Phó chủ tịch Công ty đoàn Công đoàn Công ty, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác :** Không có

Tổng số cổ phần cá nhân nắm giữ: 75.905 cổ phần, chiếm 0,25% Vốn điều lệ

### **NGUYỄN MINH HẰNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày tháng năm sinh: 18/06/1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

#### **Quá trình công tác:**

- 01/1999 – 01/2004 : Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 01/2004 – 12/2006 : Nhân viên Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 01/2007 – 02/2008 : Phó phòng Kế toán Thống kê Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 03/2008 – 5/2009 : Trưởng phòng kế toán Thống kê Công ty Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn;
- 06/2009 – 03/2014 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 04/2014 – 02/2015 : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại May Sài Gòn
- 03/2015 – 07/2018 : Đảng ủy viên, Giám đốc Tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
- 01/08/2018 – nay : Đảng ủy viên, Giám đốc tài chính, phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính và Đầu tư Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.
- 05/12/2018 – Nay : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.

**Chức vụ hiện nay:** Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.

Tổng số cổ phần cá nhân nắm giữ: 31.044 cổ phần , chiếm 0,1% Vốn điều lệ

## BAN ĐIỀU HÀNH

**LÊ HÙNG**

**NGUYỄN MINH HẰNG**

(Thông tin của các thành viên Ban Điều hành đã được trình bày ở phần Hội đồng quản trị)

### **NGUYỄN THỊ THU HÀ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày tháng năm sinh: 10/08/1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

#### **Quá trình công tác:**

- 03/1985 – 11/1993 : Nhân viên Kế toán ngân sách UBND Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 11/1995 – 03/2001 : Phó Bí Thư Đảng ủy – Chủ tịch UBND Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 04/2001 – 12/2001 : Quận ủy viên – Bí Thư Đảng ủy Phường 25, Quận Bình Thạnh
- 01/2002 – 04/2003 : Quận ủy viên – Trưởng phòng Kinh tế Quận Bình Thạnh
- 05/2003 – 12/2004 : Quận ủy viên – Chánh văn phòng HĐND – UBND quận Bình Thạnh
- 12/2004 – 09/2009 : Ủy viên Ban thường vụ Quận ủy – Phó Chủ tịch UBND Quận bình Thạnh kiêm Bí Thư Đảng ủy Khối cơ quan UBND quận Bình Thạnh
- 10/2009 – 07/2014 : Phó Bí Thư Quận ủy – Chủ tịch UBND Quận Bình Thạnh
- 07/2014 – 08/2018 : Bí Thư Quận ủy Bình Thạnh
- 09/2018 – 24/03/2019 : Nghỉ hưu
- 25/03/2019 – Nay : Phó Tổng Giám đốc Nội chính Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay:** Phó Tổng Giám đốc Nội chính Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác:** Không có

**Tổng số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần

## BAN KIỂM SOÁT

### **PHAN THỊ PHƯỢNG – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Ngày tháng năm sinh: 08/03/1969

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

#### **Quá trình công tác:**

- 07/1991 – 08/1992 : Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp Thủy tinh thuộc Bộ Công nghiệp
- 08/1992 – 08/1998 : Nhân viên Kế toán Dệt May Gia Định
- 08/1998 – 05/01/1999 : Phó Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 05/1999 – 11/2001 : Phó Phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 11/2001 – 12/2004 : Trưởng Phòng kế toán Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 12/2004 – 10/2010 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 11/2010 – 05/08/2016 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dệt May Gia Định
- 06/08/2016 – nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dệt may Gia Định

- 05/12/2018 – nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ hiện nay** : Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ tại tổ chức khác** : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Wec Sài Gòn (Giay Dep WEC)

**Tổng số cổ phần cá nhân sở hữu** : 7.610 cổ phần, chiếm 0,025% Vốn điều lệ

### **LÊ THỊ CHÍNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ngày tháng năm sinh: 08/03/1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Tài chính Doanh Nghiệp)

#### **Quá trình công tác:**

- 1992 – nay : Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Á Châu và Công ty TNHH Nhựa Nam Á
- 05/12/2018 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay** : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

#### **Chức vụ tại tổ chức khác:**

- Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương Mại Á Châu
- Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhựa Nam Á

**Tổng số cổ phần cá nhân nắm giữ:** 7.611 cổ phần, chiếm 0,025% Vốn điều lệ

### **TỪ VĨ TRÍ – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ngày tháng năm sinh: 20/01/1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Tài chính doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh)

#### **Quá trình công tác:**

- 2003 – 2006 : Chuyên viên Tín dụng Ngân hàng Đông Á;
- 2006 – 2007 : Chuyên viên khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng Quốc tế VN (VIB);
- 2007 – 2012 : Chuyên viên Phân tích, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á;
- 2012 – 2015 : Chuyên viên Phân tích Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Chứng khoán Đông Á;
- 2015 – 2016 : Phó Phòng Phân tích Công ty chứng khoán KIS VN;
- 2016 – 2017 : Chuyên viên Nghiên cứu phát triển chiến lược CTCP Tập đoàn Hoa Sen;
- 2017 – nay : Chuyên viên Phòng Kế toán – Tài chính CTCP Transimex.
- 05/12/2018 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ hiện nay** : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

**Chức vụ tại tổ chức khác** : Không có

**Tổng số cổ phần nắm giữ** : 0 cổ phần

2.3. **Những thay đổi trong Ban điều hành** : Trong năm 2020, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành

#### 2.4. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động Công ty gồm 4.183 người, cơ cấu như sau:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Theo giới tính:</b>	<b>4.183</b>	<b>100,00%</b>
	Nam	837	20,01%
	Nữ	3.346	79,99%
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động:</b>	<b>4.183</b>	<b>100,00%</b>
	Không xác định thời hạn	2.843	67,97%
	Xác định thời hạn	1.340	32,03%
<b>III</b>	<b>Theo trình độ:</b>	<b>4.183</b>	<b>100,00%</b>
	Đại học	186	4,45%
	Cao đẳng	164	3,92%
	Phổ thông	3.833	91,63%

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc, Công ty sử dụng nguồn nhân lực lớn. Do đó, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng cho việc phát triển Công ty bền vững. Để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định về số lượng lẫn chất lượng, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến các chính sách lao động. Với quan điểm “lao động là vốn quý”, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra và thực hiện các chính sách nhằm cải thiện môi trường làm việc và nâng cao đời sống cho người lao động:

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện và thoải mái thông qua cải tiến quy trình trong sản xuất “LEAN and AUTOMATION” từ Công ty đến Nhà máy
- Xây dựng kế hoạch, phương án ổn định đơn hàng để công nhân yên tâm sản xuất
- Đánh giá định kỳ công việc của từng người lao động dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực (skill matrix), đánh giá thành quả công việc (KPI) nhằm xác định chính xác, công bằng về vị trí bổ nhiệm, xét duyệt tăng lương, thưởng cho từng vị trí đang chịu trách nhiệm;
- Thúc đẩy công tác đào tạo, tự đào tạo. Tạo điều kiện để phát triển, phát huy tối đa năng lực CBCNV.
- Thực hiện đúng quy định pháp luật về chế độ, chính sách cho người lao động;
- Cải thiện các chính sách lương, thưởng và trợ cấp phù hợp, thu nhập xứng đáng với tâm sức đóng góp của người lao động, đảm bảo an sinh cho người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. **Các khoản đầu tư lớn (Đầu tư tài chính, đầu tư dự án)** : Trong năm 2020, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư này

3.2. **Đầu tư vào Công ty con:**

#### Công ty TNHH May Tân Mỹ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 15.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD Công ty TNHH May Tân Mỹ:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2020 so với 2019
1	Doanh thu thuần	93.724	98.940	5,6%
2	Giá vốn hàng bán	83.117	88.084	6,0%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	16	51	218,8%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	25.717	22.017	-14,4%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-15.094	-11.110	26,4%
6	Lợi nhuận khác	-170	45	126,2%
7	Lợi nhuận trước thuế	-15.264	-11.065	Giảm lỗ 27,5%
8	Lợi nhuận sau thuế	-15.264	-11.065	Giảm lỗ 27,5%

### Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 86.000.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam đầu tư góp vốn 100% vốn vào Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC). Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 600.000 USD.
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam :

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2020 so với 2019
1	Doanh thu thuần	103,793	102,540	-1,2%
2	Giá vốn hàng bán	91,266	101,222	10,9%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	50	24	-52,0%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	9,807	2,357	-76,0%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,770	(1,015)	
6	Lợi nhuận khác	(2,114)	(92)	-95,6%
7	Lợi nhuận trước thuế	656	(1,107)	
8	Lợi nhuận sau thuế	656	(1,107)	

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Garmex Quảng Nam năm 2020 lỗ 1,1 tỷ đồng là do:

- Doanh thu giảm 1 tỷ đồng, tỷ lệ giảm là 1,2% trong năm 2020 đơn hàng may mặc giảm do đó Công ty không đủ hàng làm cho công nhân phải chuyển đổi nhanh sang hàng may mặc.
- Giá vốn tăng 9,9 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 10,9 % do :  
 Khi chuyển đổi sang sản xuất tử công nghiệp, công nhân chưa quen với quy trình sản xuất mới, thao tác còn chậm, nên năng suất lao động thấp.  
 Trong năm Công ty Garmex Quảng Nam có tuyển thêm lao động mới để mở rộng sản xuất nên chi phí bù lương tăng. Lao động bình quân năm 2019 là 542 người, lao động bình quân năm 2020 là 771 người. Lao động có mặt vào thời điểm 31/12/2020 : 858 người; năm 2019: 629 người.
- Chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí khác giảm 7,4 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 76% do cắt giảm hoạt động của chi nhánh Blue Saigon LLC.



## Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 1.700.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long năm 2020 : Trong năm 2020, tạm ngưng kinh doanh, đã thu hồi hết công nợ và đang tiến hành làm thủ tục giải thể

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2020 so với 2019
1	Tổng tài sản	395	534	135.19%
2	Doanh thu thuần			
3	Lợi nhuận sau thuế	(32)	139	534.38%

Đầu tư vào công ty liên kết:

### Công ty cổ phần Phú Mỹ

Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2020): 4.341.000.000 VND – Tỷ lệ sở hữu: 32,47% Vốn điều lệ.

### Các khoản đầu tư tài chính:

#### Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á

- Số cổ phần: 207.701 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 3.998.050.000 VND (trích lập dự phòng khoản đầu tư: 2.959.545.000 VND)

#### Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

- Số cổ phần: 25.266 cổ phần.
- Giá trị gốc đầu tư: 1.269.730.000 VND

#### Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định

- Số cổ phần: 843.950 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 10.127.400.000 VND

**Thay đổi tình hình đầu tư tài chính:** không có

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
			2020 so với 2019
Tổng giá trị tài sản	1,028,988	1,222,790	18.83%
Doanh thu thuần	1,747,771	1,474,566	-15.63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	137,011	62,366	-54.48%
Lợi nhuận khác	-2,146	2,542	-218.45%
Lợi nhuận trước thuế	134,865	64,908	-51.87%
Lợi nhuận sau thuế	104,449	46,414	-55.56%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%		-58.33%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	1,53	1,85
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,91	1,41
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,02	46,15
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	112,85	85,71
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,68	4,47
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,71	1,31
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,98	3,15
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	24,18	8,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10,24	4,12
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần		7,84	4,23

#### Chỉ số khả năng thanh toán

Công ty luôn chủ động thanh toán đầy đủ các khoản nợ và kịp thời cân đối cơ cấu tài sản – nguồn vốn nhằm duy trì tốt khả năng thanh toán và tính thanh khoản. Do đó, các chỉ số thanh toán của Công ty cải thiện rõ rệt. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,85 lần, tăng 21% so với mức 1,53 lần của năm 2019; hệ số thanh toán nhanh đạt mức 1,41 lần, tăng 55% so với mức 0,91 lần của năm 2019.

Sự tăng trưởng của các hệ số này là nhờ vào việc ghi nhận tăng khoản tiền gửi ngân hàng. Trong năm, Công ty phát hành tăng vốn điều lệ bổ sung vốn lưu động đồng thời triển khai thực hiện chính sách thu hồi công nợ từ các khách hàng nhằm hạn chế việc bị bị lạm dụng vốn lưu động, dẫn đến chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khách hàng giảm và tiền gửi ngân hàng tăng. Nợ ngắn hạn phải trả tăng nhẹ so với năm trước chủ yếu do tăng nợ ngắn hạn, giảm các khoản phải trả người bán, người lao động, các khoản phải nộp Nhà nước và các khoản phải trả khác.

#### Chỉ số đòn bẩy tài chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất theo đơn hàng nên nhu cầu về vốn lưu động lớn và được tài trợ chủ yếu từ nợ vay. Nợ vay ngắn hạn năm 2020 đạt 364 tỷ, tăng 46.6% so với năm 2019 tuy nhiên, phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp, phải trả người lao động, phải trả khác .. giảm 36,56% nên tổng nợ ngắn hạn tăng nhẹ 2.3% so với năm 2019. Công ty không phát sinh khoản vay trung dài hạn trong năm 2020 đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Do đó, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2019, lần lượt đạt 46,15% và 85,71%.

## Chỉ số năng lực hoạt động

Do tác động của dịch bệnh Covid 19 và sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp ngành may mặc tại thị trường trong và ngoài nước đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, ngành may mặc Việt Nam nói chung cũng như Garmex Sài Gòn nói riêng bị ảnh hưởng rất lớn, đơn hàng giảm làm doanh thu thuần giảm 15,63% còn 1.475 tỷ đồng, giá vốn giảm 12,6% còn 1.272 tỷ đồng năm 2020.

Doanh thu xuất khẩu hàng may mặc năm 2020 đạt 1.346 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2019. Công ty đã chuyển đổi 2 nhà máy sang sản xuất hàng tù công nghiệp nên doanh thu nội địa tăng mạnh hơn 14 lần so với năm 2019, đạt gần 129 tỷ đồng năm 2020.

## Chỉ số khả năng sinh lợi

Do ảnh hưởng từ khó khăn chung của ngành, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như hiệu suất sinh lợi ROA, ROE của Công ty đều giảm. Cụ thể hiệu suất sinh lợi ROE đạt 8,13%, giảm so với mức 24,18% của năm 2019; hiệu suất sinh lợi ROA cũng giảm xuống mức 4,12% vào năm 2020. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần cũng giảm so với năm trước, lần lượt đạt mức 3,15% và 4,23% năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do sự sụt giảm mạnh về doanh thu, nhưng tỷ lệ giảm giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp chưa tương xứng với tỷ lệ giảm doanh thu.

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

#### 5.1. Cổ phần: Thông tin cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2020

- Tổng số cổ phiếu phát hành : 30.005.280 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 49.260 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 29.956.020 cổ phiếu
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

#### 5.2. Cơ cấu cổ đông : Cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 26/08/2020

#### Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	-	2.265.032	2.265.032	7,549
II. Cổ phiếu quỹ	-	49.260	49.260	0,164
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	777.867	26.913.121	27.690.988	92,287
1. Trong nước	777.867	23.804.729	24.582.596	81,927
1.1 Cá nhân	-	4.236.782	4.236.782	14,120
1.2 Tổ chức	777.867	19.567.947	20.345.814	67,807
- Trong đó Nhà nước:	-	-	-	-

<b>2. Nước ngoài</b>	-	<b>3.108.392</b>	<b>3.108.392</b>	<b>10,360</b>
2.1 Cá nhân	-	1.897.434	1.897.434	6,324
2.2 Tổ chức	-	1.210.958	1.210.958	4,036
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>777.867</b>	<b>29.227.413</b>	<b>30.005.280</b>	<b>100,00</b>

**Danh sách cổ đông lớn:**

STT	Cổ đông lớn	Số ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	0300989419	01/04/2010	56 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TpHCM	4.749.732	15,83%
2	Công ty cổ phần đầu tư T.T.A	0315279901	25/01/2019	Tầng 2, Hà Đô Airport Building, Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	4.551.170	15,17%
3	Công ty cổ Phần Dệt May Gia Định	0300744507	05/08/2016	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	3.022.390	10,07%
4	Công Ty cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	3300101484	10/01/2017	93 An Dương Vương, P, An Đông, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	3.558.943	11,86%
5	Lâm Từ Thanh	21841229	19/07/1996	186 Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Tp,HCM	2.142.810	7,14%
	Đại diện Công Ty TNHH TM Á Châu	46810	27/01/1992	6 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, Tp.HCM	562.610	1,88%
	Đại diện - Công Ty TNHH Tân Á	49523	22/04/2001	90 Quốc lộ 1A Xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, Long An,	562.610	1,88%
<b>Tổng Cộng</b>					<b>19.150.265</b>	<b>63,82%</b>

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2020, Công ty có 2 đợt tăng vốn cổ phần :

**Đợt 1** : Ngày 14/01/2020, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 :

- Tỷ lệ phát hành : 2:1
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối : 8.915.437 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Giá phát hành : 15.000 đồng/cổ phiếu

Kết quả thay đổi vốn cổ phần vào ngày 14/01/2020 như sau:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi (đồng)	Thay đổi Tăng (+)/giảm (-) (đồng)	Sau khi thay đổi (đồng)
1	Vốn điều lệ	178.809.280.000	+ 89.154.370.000	267.963.650.000
2	Cổ phiếu quỹ	(863.138.686)	-	(863.138.686)
3	Thặng dư vốn cổ phần	28.314.942.370	+ 44.372.885.000	72.687.827.370

**Đợt 2:** Ngày 31/08/2020, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

- Tỷ lệ trả cổ tức : 12%
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối : 3.208.915 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng

Kết quả thay đổi vốn cổ phần như sau:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi (đồng)	Thay đổi Tăng (+)/giảm (-) (đồng)	Sau khi thay đổi (đồng)
1	Vốn điều lệ	267.963.650.000	+ 32.089.150.000	300.052.800.000
2	Cổ phiếu quỹ	(863.138.686)	-	(863.138.686)
3	Thặng dư vốn cổ phần	72.687.827.370	-	72.687.827.370

- 5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ :** Trong năm 2020, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ
- 5.5. **Các chứng khoán khác:** Trong năm 2020, Công ty không phát sinh bất cứ giao dịch chứng khoán nào.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2020

#### 1. Môi trường kinh doanh 2020

Trong bối cảnh đại dịch Covid – 19, nền kinh tế tăng trưởng thấp nhất trong những năm gần đây, ngành may mặc gặp khó khăn do đơn hàng giảm, Ban lãnh đạo cùng với cán bộ công nhân viên từng bộ phận, phòng ban phối hợp, thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Trong năm 2020, hoạt động sản xuất của Công ty đạt được các kết quả sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
				2020 so với 2019
1	Tổng giá trị tài sản	1,028,988	1,222,790	18.83%
2	Tài sản ngắn hạn	820,453	1,011,790	23.32%
3	Hàng tồn kho	330,557	239,045	-27.68%
4	Tổng nợ	545,563	564,362	3.45%
5	Nợ ngắn hạn	535,594	547,987	2.31%
6	Vốn chủ sở hữu	483,425	658,428	36.20%
7	Doanh thu thuần	1,747,771	1,474,566	-15.63%
8	Lợi nhuận trước thuế	134,865	64,908	-51.87%
9	Lợi nhuận sau thuế	104,449	46,414	-55.56%

Đề đạt được kết quả trên, Hội đồng quản trị chỉ đạo, phối hợp, trao đổi với Ban lãnh đạo đánh giá, phân tích thị trường, đưa ra các giải pháp duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, thể hiện qua:

- Công tác thực hiện, triển khai mô hình LEAN kết hợp hệ thống quản lý 5S trên toàn hệ thống Công ty và Nhà máy;
- Đẩy mạnh đầu tư các thiết bị, máy móc chuyên dụng; đánh giá và bảo trì, bảo dưỡng máy móc thường xuyên nhằm mang đến năng suất cao trong sản xuất;
- Điều chỉnh các chính sách lao động theo hướng nâng cao đời sống nhân công, phù hợp với văn hóa công ty – xem “lao động là vốn quý”
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật khối lượng đơn hàng, thời gian hoàn thành, đưa ra kế hoạch quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả, quản lý tiêu hao nguyên vật liệu, cung ứng kịp thời, tránh gián đoạn sản xuất.
- Chuyển đổi nhanh và kịp thời đơn hàng gia công từ công nghiệp khi đơn hàng may mặc giảm.

#### Doanh thu

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu xuất khẩu	2.020.718	1.739.338	1.345.879
2	Doanh thu nội địa	18.183	8.433	128.687
3	Doanh thu hoạt động tài chính	17.133	6.804	11.628
4	Thu nhập khác	2.913	1.372	2.723
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.058.947</b>	<b>1.755.947</b>	<b>1.488.917</b>

Diễn biến phức tạp của thương chiến Mỹ - Trung khiến nhu cầu về sản phẩm may mặc toàn cầu giảm đáng kể và Việt Nam – một trong số những quốc gia chuyên xuất khẩu hàng may mặc – cũng không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng. Đồng thời, sự khan hiếm đơn hàng đã đẩy mức độ cạnh tranh trong ngành và quyền thương lượng của người mua lên cao, gây ra áp lực giảm giá bán. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho doanh thu không đạt được kế hoạch đề ra.

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ xuất khẩu vẫn duy trì tỷ trọng cao. Ngoài việc giữ vững uy tín và duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng truyền thống, Công ty thường xuyên tìm kiếm các thị trường tiềm năng nhằm đa dạng hóa danh mục khách hàng, nâng cao vị thế của doanh nghiệp với khách hàng, từng bước mở rộng thị phần trên thị trường thế giới.

#### Chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm
					2020 so với 2019
1	Giá vốn hàng bán	1.675.340	1.454.755	1.272.030	-12,6%
2	Chi phí tài chính	22.523	12.769	20.024	56,8%
3	Chi phí bán hàng	63.350	21.114	12.580	-40,4%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	156.212	128.926	116.632	-9,5%
5	Chi phí khác	351	3.517	182	-94,8%

Trước bối cảnh khó khăn của ngành, Công ty thực hiện các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động, tăng lợi nhuận Công ty, đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Chi phí giá vốn đạt 1.272 tỷ, giảm 12,6% so với năm 2019 do doanh thu giảm nên các khoản biến phí liên quan đến sản xuất giảm. Tuy nhiên do các khoản định phí chưa điều chỉnh theo doanh thu nên tỷ lệ giảm giá vốn chưa tương xứng với tỷ lệ giảm doanh thu. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đạt lần lượt là 12,58 tỷ đồng và 116,6 tỷ đồng vào năm 2020, tương đương giảm 40,4% và 9,5% so với năm 2019. Chi phí tài chính đạt 20 tỷ đồng năm 2020, tăng 56,8% so với năm 2019 chủ yếu do khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tài sản ngắn hạn	628,853	655,451	778,442	820,453	1,011,790
2	Tài sản dài hạn	254,615	252,833	232,231	208,535	211,000
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>883,468</b>	<b>908,284</b>	<b>1,010,673</b>	<b>1,028,988</b>	<b>1,222,790</b>

Công tác quản lý công nợ được theo dõi sát sao các khoản công nợ được thu hồi hầu hết đúng hạn tạo dòng tiền tương đối ổn định. Tiền gửi ngân hàng tăng từ 233 tỷ đồng cuối năm 2019 lên 584 tỷ đồng vào cuối năm 2020. Các khoản phải thu khách hàng đạt 166 tỷ đồng năm 2020, giảm 23,3% so với năm 2019. Do đơn hàng giảm nên hàng tồn kho cuối năm 2020 đạt 239 tỷ đồng, giảm 27,7% so với năm 2019.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Nợ ngắn hạn	553.574	540.956	609.381	535.594	547.987
2	Nợ dài hạn	51.382	47.048	20.696	9.969	16.375
3	Vốn chủ sở hữu	278.513	320.280	380.597	483.425	658.428

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>883.469</b>	<b>908.284</b>	<b>1.010.674</b>	<b>1.028.988</b>	<b>1.222.790</b>

Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và nguồn tài trợ chính cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm. Năm 2020 Công ty tiếp tục thay đổi dần cơ cấu nợ - nguồn vốn, tăng dần vốn tự có để sản xuất kinh doanh. Nợ ngắn hạn năm 2020 tăng nhẹ, số dư tại thời điểm 31/12/2020 là 548 tỷ đồng, tăng 12 tỷ đồng so với 2019. Các khoản nợ dài hạn tăng từ 10 tỷ đồng năm 2019 lên 16 tỷ đồng năm 2019 do phát sinh khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả (7,3 tỷ đồng) và khoản dự phòng phải trả dài hạn (9 tỷ đồng).

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Vốn lưu động ròng	75.280	114.496	169.061	274.890	463.802
Vòng quay vốn lưu động	28,16	14,02	12,06	8,26	3,94

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### Cơ cấu tổ chức:

- Tiếp tục nhân rộng hoàn thiện mô hình LEAN, 5S tại các Nhà máy trực thuộc.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, góp phần tăng năng suất.
- Tạo điều kiện cho người lao động phát triển, phát huy tối đa năng lực.
- Rà soát và cơ cấu lại sơ đồ tổ chức, nhân sự của các phòng ban đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

#### Chính sách hoạt động:

- Đánh giá và cải tiến quy trình sản xuất, thực hiện mô hình LEAN & Automation, 5S, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, nhằm kiểm soát chi phí trong sản xuất
- Người lao động hưởng lương theo hiệu quả và năng suất nhằm tạo động lực làm việc và nâng cao trách nhiệm với công việc đang đảm nhận.
- Công ty thường xuyên có các buổi đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, tạo điều kiện cho người lao động nâng cao kiến thức chuyên môn và tay nghề.
- Đầu tư thiết bị sản xuất kết hợp kiểm tra, đánh giá định kỳ máy móc thiết bị, lên kế hoạch bảo trì bảo dưỡng nhằm đảm bảo hiệu quả công năng và an toàn trong lao động.

#### Công tác quản lý Công ty:

- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng, và chăm lo sức khỏe nghề nghiệp. Không ngừng cải thiện môi trường làm việc, mang lại cho nhân viên cơ hội học tập và phát triển, cùng các chính sách phúc lợi và thu nhập ưu đãi.
- Nhân viên có thành tích nổi trội được nâng thu nhập và đề bạt vào các chức danh quản lý.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu tăng trưởng doanh thu bình quân 20%/ năm cho giai đoạn phát triển 05 năm (2020-2024), đến năm 2024 đạt mức doanh thu trên 200 triệu USD, 150 chuyên may, đồng thời đảm bảo mục



tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tuy nhiên, trước tình hình dịch bệnh toàn cầu đã ảnh hưởng đến nền kinh tế và trong đó ngành may mặc chịu ảnh hưởng không nhỏ. Vì vậy, tùy theo tình hình thực tế Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty sẽ quyết định điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn trong năm 2020 – 2021 nhưng sẽ tạo bước ổn định, đón đầu và tìm kiếm thêm cơ hội phát triển khi kinh tế phục hồi cho những năm kế tiếp.

**Giải pháp để hoàn thành kế hoạch:**

- Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, sắp xếp lại nhân sự của các phòng ban đảm bảo hoạt động hiệu quả.
- Ngành may thời trang vẫn là ngành cốt lõi, tập trung phát triển lâu dài của Công ty, do đó Công ty sẽ xúc tiến đầu tư nhà máy tại vùng 3, vùng 4 để nâng cao lợi thế cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm.
- Đầu tư máy móc thiết bị chuyên dụng, cải tiến quy trình sản xuất nâng cao năng suất.
- Cải tạo nhà xưởng, cải thiện môi trường làm việc sạch, xanh cho người lao động.
- Đầu tư xây dựng Trung Tâm phát triển mẫu, chú trọng phát triển sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và giá trị cao.
- Đảm bảo thu nhập ổn định và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

**5. Báo cáo phát triển bền vững:**

**5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu chủ yếu trong sản xuất ngành may mặc của Công ty là nguyên liệu vải và vật liệu giấy đóng gói. Trong năm 2020, Công ty sử dụng tổng cộng 9.744.104 yds vải và 723.339 kg giấy để sản xuất và đóng gói các sản phẩm may các loại. Tỷ lệ tái chế nguyên vật liệu để sử dụng lại là 0%.

**5.2. Tiêu thụ năng lượng:**

**Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp:**

STT	Tổng năng lượng sử dụng	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ Tăng/Giảm 2020/2019
1	Tổng lượng điện tiêu thụ	Kw-h	5.679.095	5.284.167	4.949.463	-6,33%
2	Tổng lượng gas tiêu thụ	Kg	49.831	43.456	59.354	36,58%
3	Tổng lượng dầu tiêu thụ	Lít	24.457	29.210	31.001	6,13%
4	Tổng lượng xăng tiêu thụ	Lít	12.890	10.585	14.948	41,22%
5	Tổng lượng than tiêu thụ	Kg	292.256	317.268	278.549	-12,20%

Các năng lượng tiêu hao chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty là điện dùng cho sản xuất và than dùng cho lò hơi

Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm 2020 giảm là do Công ty đã triển khai các sáng kiến tiết kiệm năng lượng cho toàn hệ thống Công ty nhưng vẫn đảm bảo đủ độ sáng để nhân công làm việc nên lượng tiêu thụ điện giảm 6,33% so với năm 2019, chi tiết như sau:

- Thay thế các bóng đèn điện huỳnh quang thông thường thành bóng đèn led; thay thế các thiết bị mới tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu lượng điện năng hao hụt không cần thiết;
- Sử dụng hợp lý các thiết bị tiêu hao điện, ngắt thiết bị tiêu hao điện năng khi không sử dụng;
- Định kỳ lau chùi đèn, chóa đèn để tăng độ chiếu sáng, đảm bảo độ sáng cho sản xuất.

- Vận hành hệ thống làm mát nhà xưởng theo quy định;
- Thay thế dần các máy một kim thể hệ cũ bằng máy một kim cắt chi tự động (moter điện từ) ít hao điện hơn.
- Công ty luôn đề cao chính sách và ghi nhận các sáng kiến góp phần giảm năng lượng tiêu thụ

Nhiệt năng sử dụng than giảm 12,20% do Công ty thay thế nồi hơi phục vụ sản xuất bằng lò hơi sử dụng điện để thân thiện với môi trường hơn.

Lượng dầu tiêu thụ tăng 6,13% : Do số lượng công nhân tăng 10,87% so với năm 2019 nên số lượng máy dùng trong sản xuất tăng

Lượng tiêu thụ gas tăng 36,58% : Chủ yếu là dùng nấu ăn cho công nhân. Trong năm 2020, số lượng công nhân tăng và các bữa ăn giữa ca cho công nhân cũng tăng so với 2019

Lượng xăng tiêu thụ tăng 41,22% với năm 2019 chủ yếu do vận chuyển hàng hóa phục vụ cho sản xuất và di chuyển của CBCNV đi công tác. Trong năm 2021, Công ty có kế hoạch giảm 5% lượng xăng thông qua việc lập kế hoạch vận chuyển và dự tính tuyến đường lưu chuyển hợp lý.

### 5.3. Tiêu thụ nước:

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước sử dụng năm 2020 (m <sup>3</sup> )	Tổng lượng nước tái chế sử dụng (m <sup>3</sup> )
1	Nước ngầm	24.323	0
2	Nước Thủy cục	41.448	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>65.771</b>	<b>0</b>

Trong năm 2020, Công ty sử dụng 65.771 m<sup>3</sup> nước. Toàn bộ lượng nước tiêu thụ chủ yếu dùng cho mục đích sinh hoạt do công ty chỉ nhập nguyên vật liệu để may và không có hoạt động dệt, nhuộm. Công ty cũng chưa có quy trình tái chế sử dụng nước thải nên không có lượng nước sử dụng do tái chế

### 5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường (có hệ thống xử lý nước thải, phân loại rác thải). Do đó, trong thời gian qua Garmex Saigon chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của Pháp luật liên quan đến vấn đề này.

### 5.5. Chính sách liên quan đến người lao động

#### 5.5.1. Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động trong năm 2020 : 4.183 người – tăng 10,87% so với năm 2019 (3.773 người)

STT	Phân loại	Thu nhập trung bình năm 2020 (đồng/người/tháng)
<b>Thu nhập của người lao động</b>		
	- Khối Gián tiếp	12,338,771
	- Khối Trực tiếp	8,031,415

#### 5.5.2. Công tác chăm lo người lao động:

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng, nhất là ngành nghề sử dụng lao động cao như Garmex SaiGon. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến người lao động, chính sách nhân sự luôn được cải thiện và điều chỉnh để tạo động lực cho người lao động làm việc. Cụ thể các công tác chăm lo cho người lao động năm 2020 như sau:

### **An toàn lao động:**

- Trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân và phổ biến các quy định về an toàn trong lao động
- Tổ chức đào tạo huấn luyện an toàn vệ sinh lao động 1 năm/1 lần (4 giờ) , định kỳ kiểm tra an toàn vệ sinh lao động 2 lần/tháng
- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống PCCC của các Nhà máy Công ty để đảm bảo vận hành tốt, định kỳ diễn tập PCCC tại các nhà máy 2 lần/năm

### **Lương, thưởng, phúc lợi:**

- Chính sách chăm lo cho người lao động 2020: Chăm sóc cho nữ lao động đơn thân nuôi con từ 500.000 – 800.000 đồng/tháng, trợ cấp gửi trẻ 125.000 đồng/cháu, tổ chức chăm lo cho lao động nữ nhân ngày 8/3, 20/10, thưởng cho NLD nhân các ngày lễ lớn trong năm.
- Thưởng năng suất, thưởng chuyên cần và thưởng đánh giá KPI
- Thưởng cuối năm 2020 gồm: Thưởng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh là 1,5 tháng lương bình quân, thưởng thâm niên công tác.

### **Các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động:**

- Tổ chức tư vấn và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/năm, mua gói sức khỏe cho cán bộ chủ chốt của Công ty
- Công ty có các chính sách hỗ trợ cho người lao động khi gặp vấn đề về sức khỏe
- 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm y tế, thất nghiệp, tai nạn lao động đáp ứng tiêu chuẩn về sử dụng lao động. Ngoài ra, công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLD.
- Tuyên truyền, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh: Như phun thuốc khử khuẩn hàng tuần, tổ chức đo thân nhiệt hàng ngày, trang bị các nước khử khuẩn, xà phòng, tổ chức nơi ăn cho người lao động đúng quy định. Kết hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên đánh giá định kỳ chất lượng bếp ăn thông qua phiếu khảo sát mức độ hài lòng để kịp thời điều chỉnh và cải thiện suất ăn phù hợp từng thời điểm.

### **Công tác chăm lo đời sống cho lao động và thân nhân:**

- Công ty triển khai mô hình bảo hiểm sức khỏe theo nhóm cho người lao động và thân nhân để người lao động có được sản phẩm bảo hiểm sức khỏe tốt hơn với các điều kiện mở rộng hơn.
- Công ty hỗ trợ 60% tiền xe cho công nhân về quê dịp Tết, hỗ trợ đột xuất cho công nhân gặp khó khăn.
- Mừng cưới người lao động, chi ma chay cho thân nhân người lao động, chi nghỉ mát
- Chăm lo cho các cháu thiếu nhi con của người lao động nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu.
- Người lao động được bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, quyền tự do bình đẳng trên cơ sở chất lượng công việc. Công ty áp dụng các quy tắc không chỉ đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật mà còn đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn của khách hàng.

#### **5.5.3. Công tác đào tạo, phát triển người lao động:**

- Đào tạo nội bộ: Các Phòng ban/ Nhà máy đào tạo các quy định, tiêu chuẩn khách hàng, chính sách tiền lương
- Đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho người lao động.

### **6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Ứng hộ cho địa phương Công ty và địa phương các Nhà máy của Công ty trú đóng: Hỗ trợ địa phương chăm lo cho người nghèo bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid -19, với tổng số tiền 767.500.000 đồng. Hỗ trợ nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng tại tỉnh Bến Tre

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020**

### **1. Đánh giá về tình hình kinh tế thế giới đến Việt Nam:**

Đại dịch covid -19 và căng thẳng thương mại kéo dài giữa Mỹ và Trung Quốc đã tác động rất lớn đến tình hình kinh tế thế giới, dẫn đến tăng trưởng âm trong năm 2020. Tuy nhiên, Việt Nam với quyết tâm thực hiện mục tiêu kép đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh và đạt được mức tăng trưởng GDP là 2,91% so với năm 2019 và thuộc nhóm nước có nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới.

Trước tình hình khó khăn trong năm 2020, các doanh nghiệp may mặc còn phải chịu áp lực từ việc đơn hàng giảm, biến động giá cả, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thấy được vấn đề trên, Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn ngoài việc cố gắng giữ vững những khách hàng truyền thống với doanh số xuất khẩu của Công ty trong năm 2020 đạt 58,18 triệu USD giảm 22% so với năm 2019 (74,6 triệu USD), còn nỗ lực tìm kiếm những đơn hàng gia công trong nước để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

### **2. Đánh giá về tình hình ngành dệt may năm 2020:**

Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam không những bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid – 19, đơn hàng giảm, mà còn đối diện với tình hình cạnh tranh khốc liệt từ thị trường trong nước đến thị trường ngoài nước, từ doanh nghiệp có vốn FDI đến các quốc gia lấy ngành dệt may làm trọng điểm, từ thu hút lao động lành nghề đến san sẻ đơn hàng. Do đó, theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, trong năm 2020 kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam chỉ đạt 35,2 tỷ USD giảm 9,3% so với năm 2019. Mặt khác, Việt Nam đã ký kết Hiệp định CPTPP và các FTA tạo bàn đạp cho các doanh nghiệp trong nước phát triển, nhưng ngành may vẫn chưa thể tận dụng được các cơ hội ưu đãi từ các Hiệp định để nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm. Cụ thể :

- Các doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng đủ nguyên vật liệu đầu vào cho ngành may mặc, phần lớn là nhập khẩu từ Trung Quốc. Hơn nữa, năng lực công nghệ sản xuất và tài chính cũng là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp trong nước khi xu hướng tự động hóa thay thế dần sức lao động để tăng năng suất, hạn chế phụ thuộc vào con người và nâng cao tính cạnh tranh.
- Cơ cấu lao động còn hạn chế, phần lớn công nhân lao động chưa có tay nghề chuyên môn, phải qua đào tạo lại.
- Lương tối thiểu vùng tăng, dẫn đến chi phí lao động tăng cao, mất lợi thế cạnh tranh về nhân công giá rẻ.
- Các phương thức bán hàng theo hình thức CMT và FOB vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành may mặc, gây ra áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp sở hữu nhân công giá rẻ tại nhiều quốc gia như Myanmar, Bangladesh và các quốc gia trong lãnh thổ Châu Phi.

### **3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty năm 2020:**

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Nhằm hạn chế những tác động của tình hình thực tại và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch, phương án ổn định đơn hàng, phân phối đơn hàng phù hợp nhằm giảm thiểu thời gian chờ việc của người lao động, giảm chi phí hỗ trợ lương;
- Cải thiện, điều chỉnh chính sách lương, thưởng góp phần tăng thu nhập, chăm sóc tốt đời sống vật chất tinh thần người lao động do đó ổn định được tình hình lao động;

- Từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý, cải tiến quy trình sản xuất góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu thời gian tăng ca;
- Từng bước chuyển đổi chiến lược sản xuất hàng hàm lượng kỹ thuật cao, củng cố, phát triển nguồn nhân lực bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống quản lý.
- Tiếp tục xác lập vị thế với khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, góp phần ổn định sản xuất ngay từ đầu năm 2020.

Hoạt động đầu tư dự án: Năm 2020, Công ty không triển khai dự án nào. Hầu hết các khoản đầu tư tài chính vẫn duy trì.

#### Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng:

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Garmex Saigon luôn nhận thức được vai trò của việc giữ gìn bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Thời gian qua, Công ty đã liên tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm cải tạo môi trường, tuân thủ pháp luật về môi trường cũng như đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương như:

- Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất, đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường, cũng như đáp ứng tốt tiêu chuẩn của Khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt chất thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại kỹ trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường.
- Hệ thống xử lý nguồn cấp nước tại Công ty đã được tách bỏ tạp chất, đảm bảo có thể uống được ngay từ bất kỳ vòi nước nào tại Công ty. Các nhà ăn tại các nhà máy thuộc Garmex Sài Gòn đều do các nhà máy tự vận hành và quản lý, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho người lao động tại Công ty.

#### **4. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:**

##### Những mặt làm được:

- Trong bối cảnh cạnh tranh về giá, tình hình dịch bệnh, Công ty vẫn xúc tiến tốt và củng cố vị thế đối với Khách hàng truyền thống, tìm kiếm đơn hàng gia công trong nước, phân bổ năng lực phù hợp theo diễn biến thị trường xuất khẩu. Đồng thời, củng cố, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, cải tiến quy trình sản xuất, tăng năng suất lao động, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao.
- Giữ vững vị thế và số lượng đơn hàng từ khách hàng lớn Columbia Sportswear, Decathlon.
- Hoàn thiện dần mô hình LEAN & AUTOMATION; bước đầu đạt đến mục tiêu cốt lõi của LEAN: 02 giảm (giảm chi phí – giảm thời gian hoàn thành); 02 tăng (tăng năng suất – tăng chất lượng).

##### Những mặt chưa làm được & Nguyên nhân:

Nguyên phụ liệu còn phụ thuộc từ việc nhập khẩu từ nhà cung cấp nước ngoài, đòi hỏi thời gian vận chuyển, đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh, đây cũng là tình trạng chung của ngành may Việt Nam.

Những mặt chưa làm được của Công ty chủ yếu là yếu tố khách quan, hệ thống quản lý Công ty đang trong quá trình hoàn thiện. Để hạn chế những ảnh hưởng không mong muốn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo phối hợp chặt chẽ với nhà cung cấp, chủ động giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến chất lượng và thời gian giao hàng. Ngoài ra, Ban lãnh đạo phát triển thêm nhà cung cấp mới, tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu trong nước cạnh tranh hơn.

## 5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

### 5.1. Đánh giá về triển vọng 2021:

#### Đánh giá về triển vọng chung kinh tế toàn cầu

Kinh tế thế giới năm 2021 dự báo sẽ hồi phục, nhưng vẫn còn rủi ro, thách thức do tình hình dịch bệnh COVID-19 chưa thể chấm dứt, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn còn kéo dài. Xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn tất yếu sẽ khiến các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế có nhu cầu dịch chuyển địa điểm sản xuất và đây là cơ hội, nhưng cũng là thách thức với Việt Nam để thu hút dòng vốn FDI. Tuy nhiên, các chính sách hạn chế nhập cảnh từ các quốc gia nhằm phòng chống dịch đã ảnh hưởng không nhỏ đến dòng vốn FDI và lượng hàng hóa lưu thông của các nước, ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

#### Đánh giá về triển vọng ngành

Các Hiệp định CPTPP và các FTA đã được ký kết trước đã mở ra con đường hội nhập cho các doanh nghiệp Việt Nam, là bàn đạp cho ngành dệt may phát triển ra thị trường thế giới và sẽ là cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu.

Tuy nhiên, theo quy tắc xuất xứ của các Hiệp định Quốc tế từ sợi, vải, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa đủ điều kiện đáp ứng. Nguồn nguyên liệu, phụ liệu của các doanh nghiệp may mặc chủ yếu đến từ Trung Quốc chưa đáp ứng quy tắc của Hiệp định. Bên cạnh đó, với áp lực lớn từ cạnh tranh về giá, về mẫu mã và chất lượng có xu hướng diễn ra gay gắt hơn. Do đó, Công ty cần tổ chức lại bộ máy hiệu quả hơn, xây dựng, tổ chức đội ngũ kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ cao hơn nhằm nâng cao tính cạnh tranh phù hợp với xu hướng thị trường, góp phần tăng trưởng bền vững.

### 5.2. Chiến lược phát triển Công ty trong năm 2021:

#### **Về đối nội:**

- Tiếp tục tổ chức lại bộ máy hiệu quả hơn, cạnh tranh hơn
- Đầu tư phát triển nguồn lực, đẩy mạnh cải tiến trong sản xuất để tăng năng suất.
- Ngành may thời trang vẫn là ngành cốt lõi, tập trung phát triển lâu dài của Công ty, do đó Công ty sẽ xúc tiến đầu tư nhà máy tại vùng 3, vùng 4 để nâng cao lợi thế cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm.
- Xây dựng Trung tâm phát triển mẫu để đẩy mạnh khâu thiết kế, từng bước chuyển đổi sang phương thức bán hàng ODM.
- Phát triển nguồn cung cấp nguyên liệu kịp thời, chất lượng với giá cả cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để tận dụng những lợi thế các Hiệp định Thương mại.
- Không ngừng cải tiến, hoàn thiện hệ thống chất lượng, mô hình Lean - Automation, 5S, tăng năng suất - chất lượng sản phẩm

#### **Về đối ngoại:**

- Duy trì, củng cố uy tín đối với các khách hàng truyền thống tại các thị trường Mỹ, EU và Nhật. Đồng thời, Công ty luôn tìm kiếm các khách hàng mới; đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị phần ra các thị trường tiềm năng.
- Tận dụng lợi thế từ các Hiệp định thương mại quốc tế, tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường.
- Đầu tư thiết bị chuyên dụng nhằm tạo ra các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, giá trị gia tăng cao.
- Tập trung nghiên cứu mẫu mã, thiết kế mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, từng bước xây dựng định hướng sang phương thức ODM.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ tại thời điểm ngày 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ (*)	Ghi chú
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không độc lập, không điều hành)	0 cổ phần	0%	
		Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	4.749.732 cổ phần	15,83%	Tổ chức có liên quan
		Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	1.404.698 cổ phần	4,68%	Tổ chức có liên quan
2	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT không độc lập kiêm Tổng Giám đốc điều hành	0 cổ phần	0,00%	
		Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	871.211 cổ phần	2,90%	Tổ chức có liên quan
		Cty cổ phần Dệt May Gia Định	3.022.390 cổ phần	10,07%	Tổ chức có liên quan
3	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	0 cổ phần	0 %	
		Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	871.211 cổ phần	2,90%	Tổ chức có liên quan
		Công ty cổ phần Dệt May Gia Định	3.022.390 cổ phần	10,07%	Tổ chức có liên quan
4	Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	2.142.810 cổ phần	7,14%	Cá nhân sở hữu
		Công ty TNHH Tân Á	562.610 cổ phần	1,88%	Tổ chức có liên quan
		Công ty TNHH Thương mại Á Châu	562.610 cổ phần	1,88%	Tổ chức có liên quan

5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	0 cổ phần	0%	
		Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A	4.551.170 cổ phần	15,17%	Tổ chức có liên quan
6	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT không độc lập, Phó Tổng Giám đốc điều hành	31.044 cổ phần	0,1%	Cá nhân sở hữu
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	75.905 cổ phần	0,25%	Cá nhân sở hữu

(\*) Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2020

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

## 1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ IV chưa thành lập các Tiểu ban. Hiện nay, Hội đồng Quản trị hoạt động trên cơ sở các thành viên cùng bàn bạc, quyết định về định hướng chiến lược phát triển, đầu tư, nhân sự, lương thưởng cũng như công tác kiểm soát nội bộ để Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý thực hiện.

## 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

### 1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị có 18 cuộc họp, trong đó có 11 cuộc họp trực tiếp và 07 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ Thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông BÙI TUẤN NGỌC	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không độc lập, không điều hành)	05/12/2018	18/18	100%	
2	Ông LÊ HÙNG	Thành viên HĐQT không độc lập Kiêm Tổng Giám đốc điều hành Cty	05/12/2018	18/18	100%	
3	Ông LÂM TỬ THANH	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	
4	Ông BÙI MINH TUẤN	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	
5	Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ Thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
6	Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	05/12/2018	18/18	100%	
7	Bà NGUYỄN MINH HẰNG	Thành viên HĐQT không độc lập, Phó Tổng Giám đốc điều hành Cty	05/12/2018	18/18	100%	

### 1.3.2 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết sau:

- Các Nghị quyết thông qua tại cuộc họp:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/NQ-HĐQT/2020	09/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá chào bán là 15.000 đồng/cp (đã phân phối 8.137.570 cổ phiếu)</li> <li>- Thông qua danh sách phân bổ cổ phiếu chưa phân phối hết (777.867 cổ phiếu) cho Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh với giá chào bán 15.000 đồng/cp</li> </ul>	100%
2	06/NQ-HĐQT/2020	06/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký tăng vốn Điều lệ từ 178.809.280.000 đồng lên thành 267.963.650.000 đồng</li> <li>- Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn tăng lên</li> <li>- Đăng ký và niêm yết chứng khoán bổ sung (8.915.437 cổ phiếu) từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu</li> </ul>	100%
3	07/NQ-HĐQT/2020	24/02/2020	<p>Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng : 30/03/2020</li> <li>- Ngày Đại hội : 27/04/2020</li> </ul>	100%
4	14/NQ-HĐQT/2019	31/03/2020	Dời ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 không chậm hơn ngày 30/06/2020 (thay vì tổ chức Đại hội ngày 27/04/2020)	100%
5	19/NQ-HĐQT/2020	07/05/2020	<p>Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng : 01/06/2020</li> <li>- Ngày Đại hội : 24/06/2020</li> </ul>	100%
6	27/NQ-HĐQT/2020	11/06/2020	Phê duyệt Garmex SaiGon và các Công ty con giao dịch với tổ chức có liên quan đến	100%

			người nội bộ là Công ty GILIMEX và các Cty trong hệ thống GILIMEX	
7	28/NQ-HĐQT/2020	11/06/2020	Phê duyệt nội dung tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
8	32/NQ- HĐQT/2020	13/07/2020	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và Triển khai thực hiện phương án phát hành	100%
9	33/NQ- HĐQT/2020	13/07/2020	Chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2020	100%
10	34/NQ- HĐQT/2020	20/07/2020	Phê duyệt chủ trương giải thể Công ty TNHH Sài Gòn Tường Long	100%
11	35/NQ- HĐQT/2020	07/08/2020	Chốt Ngày Đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 là ngày 26/08/2020	100%
12	39/NQ- HĐQT/2020	17/09/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký tăng vốn Điều lệ từ từ 267.963.650.000 đồng lên thành 300.052.800.000 đồng</li> <li>- Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn tăng lên</li> <li>- Đăng ký và niêm yết chứng khoán bổ sung (3.208.915 cổ phiếu) từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019</li> </ul>	100%
13	40/NQ- HĐQT/2020	25/09/2020	Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn – Trung tâm phát triển sản phẩm	100%

- Các Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý HĐQT kiến bằng văn bản:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua
1	41/NQ-HĐQT/2020	30/09/2020	Phê duyệt ngân sách đầu tư hệ thống lò hơi điện và trạm biến áp	85,7%
2	42/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
3	43/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
4	44/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng HSBC. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua	100%

			theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	
5	45/NQ-HĐQT/2020	10/10/2020	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng First Commercial Bank. Khoản vay này nằm trong ngân sách vay đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
6	46/NQ-HĐQT/2020	14/10/2020	Thông qua hợp đồng dịch vụ pháp lý	85,7%
7	47/NQ-HĐQT/2020	28/10/2020	Thưởng 9 tháng đầu năm 2020 cho CBCNV	85,7%
8	48/NQ-HĐQT/2020	17/11/2020	Phê duyệt Dự toán chi phí đầu tư Trung Tâm Phát triển sản phẩm	85,7%
9	49/NQ-HĐQT/2020	30/11/2020	Phê duyệt Sơ đồ tổ chức Công ty	85,7%
10	50/NQ-HĐQT/2020	31/12/2020	Phê duyệt Thuê Kho	85,7%

### 1.3.3 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

#### Về điều hành sản xuất kinh doanh:

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh, kế hoạch công việc hàng tuần, hàng tháng, một cách linh hoạt để phù hợp với tình hình thực tế và định hướng chiến lược của HĐQT – Định hướng xây dựng nhận dạng lại Thương hiệu và phát triển sản phẩm công nghệ cao. Quá trình thực hiện công tác điều hành quản lý Công ty tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

#### Về quản lý tài chính:

- Tình hình tài chính công ty năm 2020 lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định.
- Chỉ đạo và giám sát việc quản lý chi phí, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả.
- Giám sát việc phân bổ thù lao, quỹ thưởng năm 2019 của HĐQT, Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

#### Về tổ chức bộ máy hoạt động:

Hội đồng quản trị giám sát việc tổ chức lại bộ máy hoạt động của Công ty

- Tổ chức lại nhân sự, phát triển sản phẩm, chuỗi cung ứng và cải tiến sản xuất
- Xây dựng lại chính sách lương, thưởng, rà soát và kiện toàn các quy trình làm việc để bộ máy của công ty hoạt động có hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý cũng như nâng cao tay nghề của công nhân nhằm đáp ứng chiến lược phát triển của công ty.

### 1.4. Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Phụ trách quản trị Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật, thông lệ mới về quản trị Công ty, đồng thời cử đại diện tham gia các buổi phổ biến, thảo luận về các văn bản pháp luật, quy định về quản trị Công ty do Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh tổ chức.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : Có 1 thành viên - Ông . Lâm Từ Thanh

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cá chương trình về quản trị Công ty trong năm 2020 : Không có

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ Tính đến thời điểm 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu Vốn điều lệ
1	Bà Phan Thị Phượng	Trưởng ban	7.610 cổ phần	0,025%
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên	7.611 cổ phần	0,025%
3	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên	0 cổ phần	0,00%

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

#### Thống kê các buổi họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã có 06 buổi họp để kiểm tra, giám sát các vấn đề liên quan đến việc quản trị và tuân thủ các quy định của quy chế của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc tổ chức họp Ban Kiểm soát đều tuân thủ theo quy định tại điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG HỌP	KẾT QUẢ CUỘC HỌP
1	29/02/2020	Kế hoạch Thẩm tra Báo cáo Tài chính năm 2019 và các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty	Thống nhất KH thẩm tra BCTC. Ngày 15/5/2020, BKS gửi CV số 02/BKS-2020 đến Tổng giám đốc, đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2019 và các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019.
2	13/03/2020	Các nội dung của Dự thảo Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020.	Thống nhất với nội dung Bản dự thảo Báo cáo và ngày 11/6/2020, Ban kiểm soát đã ký phát hành bản báo cáo chính thức.
3	26/08/2020	Trao đổi về Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và kết quả kiểm kê 6 tháng đầu năm 2020	Thống nhất làm việc với các Phòng Kế hoạch, Kho vận, Tài chính, đề nghị rà soát số liệu Báo cáo kiểm kê tài sản có đến 30/6/2020 và Công tác quản lý sản phẩm dở dang, quyết toán tiêu hao nguyên phụ liệu.
4	22/09/2020	Các nội dung liên quan đến Bản dự thảo Báo cáo Ban kiểm soát trong 6 tháng đầu năm 2020 và các vấn đề liên quan đến công tác quản lý kho, sản phẩm dở dang và hoạt động của Kiểm soát nội bộ.	Thống nhất với nội dung Bản dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát. Ngày 26/9/2020, Ban kiểm soát đã ký phát hành bản Báo cáo chính thức số 03/BKS-2020 gửi hội đồng Quản trị, đồng thời gửi văn bản số 04/BKS-2020 gửi Tổng giám đốc nêu ý kiến của Ban Kiểm soát về công tác quản lý hàng tồn kho, sản phẩm dở dang và công tác kiểm soát nội bộ.

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG HỌP	KẾT QUẢ CUỘC HỌP
5	12/11/2020	Các nội dung liên quan đến công tác quản lý kho, sản phẩm dở dang và kiểm kê cuối năm 2020.	Thống nhất gửi văn bản đến Tổng giám đốc để nêu ý kiến của Ban kiểm soát về Công tác quản lý kho và đề xuất lập Kế hoạch kiểm kê tài sản của Công ty có đến ngày 31/12/2020. Ngày 25/11/2020, BKS đã phát hành văn bản số 05/BKS-2020, để nêu các ý kiến và đề xuất, theo kết luận của phiên họp BKS ngày 12/11/2020.
6	08/12/2020	Thảo luận kế hoạch làm việc của Kiểm soát nội bộ trong năm 2021 và các vấn đề liên quan đến việc thành lập Kiểm toán nội bộ theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 và TT 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020.	Thống nhất gửi văn bản đến Tổng giám đốc để nêu ý kiến của Ban kiểm soát về kế hoạch làm việc của Kiểm soát nội bộ và đề xuất thành lập Kiểm toán nội bộ theo các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính. Ngày 11/12/2020, BKS đã phát hành văn bản số 06/BKS-2020, để nêu các ý kiến và đề xuất của Ban kiểm soát.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**3.1. Các thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý chi trong năm 2020**

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT		Lương	Tổng cộng
			Thù lao HĐQT	Thưởng		
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	61%	39%	0%	100%
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	55%	45%	0%	100%
3	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	61%	39%	0%	100%
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	61%	39%	0%	100%
5	Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	61%	39%	0%	100%
6	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính	18%	11%	71%	100%
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	16%	13%	70%	100%
8	Bà Phan Thị Phụng	Trưởng BKS	61%	39%	0%	100%
9	Bà Lê Thị Chín	Thành viên BKS	61%	39%	0%	100%
10	Ông Từ Vi Trí	Thành viên BKS	61%	39%	0%	100%
11	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0%	3%	97%	100%
12	Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán Trưởng	0%	4%	96%	100%
13	Huỳnh Thị Kim Loan	Phụ trách quản trị công ty	0%	3%	97%	100%

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông có liên quan của người nội bộ**

S TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
01	Lâm Tử Thanh	Thành viên HĐQT	940.596	5,27%	2.142.810	7,15%	- Thực hiện quyền mua và nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (Nhận chuyển nhượng từ Cty TNHH Tân Á và Cty TNHH TM Á Châu) để tăng tỷ lệ nắm giữ - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
02	Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Người được ủy quyền CBTT	18.479	0,10%	31.044	0,10%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
03	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	45.183	0,25%	75.905	0,25%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
04	Phan Thị Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát	4.531	0,03%	7.610	0,03%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
05	Lê Thị Chín	Thành viên Ban Kiểm soát	4.531	0,03%	7.611	0,03%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
06	Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng	47	0,0003%	2.052	0,007%	- Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu - Mua tăng lượng cổ phiếu nắm giữ

07	Công ty TNHH Tân Á	Thành viên HĐQT - Lâm Từ Thanh là Giám đốc – ĐDPL Cty	502.331	2,82%	562.610	1,88%	- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (người nhận chuyển nhượng là ông Lâm Từ Thanh) - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
08	Công Ty TNHH Thương Mại Á Châu	Thành viên HĐQT - Lâm Từ Thanh là Giám đốc - ĐDPL Cty	502.331	2,82%	562.610	1,88%	- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (người nhận chuyển nhượng là ông Lâm Từ Thanh) - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
09	Công ty cổ phần Đầu tư T.T.A	Thành viên HĐQT – Bùi Minh Tuấn là Chủ tịch Cty	2.709.031	15,19%	4.551.170	15,19%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
10	Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Thiên Hải	Chủ tịch HĐQT – Bùi Tuấn Ngọc là Chủ tịch HĐTV Cty	2.827.222	15,86%	4.749.732	15,86%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
11	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	Chủ tịch HĐQT – Bùi Tuấn Ngọc là Chủ tịch HĐQT Cty	836.130	4,69%	1.404.698	4,69%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
12	Công ty Cổ Phần Dệt May Gia Định	Thành viên HĐQT kiêm TGD Lê Hùng và TV HĐQT Nguyễn Việt Cường là Thành viên HĐQT Cty	1.799.042	10,09%	3.022.390	10,09%	- Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

13	Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX)	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Ông Lê Hùng) là Chủ tịch HĐQT GILIMEX  Thành viên HĐQT (Ông Nguyễn Việt Cường) là Thành viên HĐQT GILIMEX	0	0%	871.211	2,91%	- Mua cổ phiếu không phân phối hết trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ-HĐQT/2020 ngày 09/01/2020 - Nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu
----	---	---	---	----	---------	-------	---

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2020, không có phát sinh giao dịch liên quan đến người nội bộ (Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Phụ trách quản trị Công ty). Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch:

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm và giá trị giao dịch với công ty năm 2020	Ghi chú												
1	Công ty cổ phần Transimex	Chủ tịch HĐQT Công ty Transimex là Chủ tịch HĐQT Công ty	Giao dịch vận chuyển hàng hóa cho Công ty từ 19/02/2019 theo Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT/2019 ngày 19/02/2019 Giá trị : 2.488.025.106 đồng	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với tổ chức có liên quan đến người nội bộ Công ty												
2	Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX)	Chủ tịch HĐQT GILIMEX là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Thành viên HĐQT GILIMEX (ông Nguyễn Việt Cường) là thành viên HĐQT Công ty	Giao dịch Gia công may, mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (liên quan đến quá trình gia công) từ 11/06/2020 : <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th>Giao dịch</th> <th>Số lượng (cái)</th> <th>Giá trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Gia công may</td> <td>169.438</td> <td>136.975.144.240</td> </tr> <tr> <td>Dịch vụ</td> <td></td> <td>95.700.000</td> </tr> <tr> <td></td> <td>169.438</td> <td>137.070.844.240</td> </tr> </tbody> </table>	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Gia công may	169.438	136.975.144.240	Dịch vụ		95.700.000		169.438	137.070.844.240	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với tổ chức có liên quan đến người nội bộ Công ty
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị														
Gia công may	169.438	136.975.144.240														
Dịch vụ		95.700.000														
	169.438	137.070.844.240														



Giao dịch giữa Công ty với công ty con, giữa Công ty với chi nhánh của công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm và giá trị giao dịch với công ty năm 2020	Ghi chú																																							
1	Công Ty TNHH May Tân Mỹ	Công ty con	<p>Giao dịch năm 2018 – 2019 – 2020 theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017:</p> <p>- Garmex Sài Gòn cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Cty TNHH May Tân Mỹ từ các giao dịch :</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Giao dịch</th> <th>Số lượng (cái)</th> <th>Giá trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Quần, áo</td> <td>10.583</td> <td>100.267.189</td> </tr> <tr> <td>Nguyên phụ liệu</td> <td></td> <td>162.552.062</td> </tr> <tr> <td>Thuê nhà xưởng, thuê MMTB</td> <td></td> <td>4.930.998.392</td> </tr> <tr> <td>Bán máy móc thiết bị</td> <td>148</td> <td>7.093.121.975</td> </tr> <tr> <td>Dịch vụ</td> <td></td> <td>544.699.758</td> </tr> <tr> <td>Gia công may</td> <td>8.283</td> <td>756.905.026</td> </tr> <tr> <td><b>CỘNG</b></td> <td><b>19.014</b></td> <td><b>13.588.544.402</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Cty TNHH May Tân Mỹ gia công may, - bán nguyên phụ liệu, cung cấp dịch vụ cho Garmex SaiGon từ các giao dịch:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Giao dịch</th> <th>Số lượng (cái)</th> <th>Giá trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Gia công may</td> <td>1621875</td> <td>104.259.996.71</td> </tr> <tr> <td>Nguyên phụ liệu</td> <td></td> <td>360.862.41</td> </tr> <tr> <td>Dịch vụ</td> <td></td> <td>88.229.16</td> </tr> <tr> <td><b>CỘNG</b></td> <td><b>1.621.875</b></td> <td><b>104.709.088.29</b></td> </tr> </tbody> </table>	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Quần, áo	10.583	100.267.189	Nguyên phụ liệu		162.552.062	Thuê nhà xưởng, thuê MMTB		4.930.998.392	Bán máy móc thiết bị	148	7.093.121.975	Dịch vụ		544.699.758	Gia công may	8.283	756.905.026	<b>CỘNG</b>	<b>19.014</b>	<b>13.588.544.402</b>	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Gia công may	1621875	104.259.996.71	Nguyên phụ liệu		360.862.41	Dịch vụ		88.229.16	<b>CỘNG</b>	<b>1.621.875</b>	<b>104.709.088.29</b>	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với Công ty con
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Quần, áo	10.583	100.267.189																																									
Nguyên phụ liệu		162.552.062																																									
Thuê nhà xưởng, thuê MMTB		4.930.998.392																																									
Bán máy móc thiết bị	148	7.093.121.975																																									
Dịch vụ		544.699.758																																									
Gia công may	8.283	756.905.026																																									
<b>CỘNG</b>	<b>19.014</b>	<b>13.588.544.402</b>																																									
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Gia công may	1621875	104.259.996.71																																									
Nguyên phụ liệu		360.862.41																																									
Dịch vụ		88.229.16																																									
<b>CỘNG</b>	<b>1.621.875</b>	<b>104.709.088.29</b>																																									
2	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam	Công ty con	<p>Giao dịch năm 2018 – 2019 – 2020 theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017:</p> <p>- Garmex Sài Gòn cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Garmex Quảng Nam từ các giao dịch :</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Giao dịch</th> <th>Số lượng (cái)</th> <th>Giá trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Quần, áo</td> <td>7071</td> <td>154.858.394</td> </tr> <tr> <td>Nguyên phụ liệu</td> <td></td> <td>211.188.308</td> </tr> <tr> <td>Dịch vụ</td> <td></td> <td>494.508.412</td> </tr> <tr> <td>Máy móc thiết bị</td> <td>117</td> <td>3.600.168.920</td> </tr> <tr> <td><b>CỘNG</b></td> <td><b>7188</b></td> <td><b>4.460.724.034</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Garmex Quảng Nam gia công may, bán nguyên phụ liệu, cung cấp dịch vụ cho Garmex SaiGon từ các giao dịch:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Giao dịch</th> <th>Số lượng (cái)</th> <th>Giá trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Gia công may</td> <td>2.073.311</td> <td>113.113.149.655</td> </tr> <tr> <td>Nguyên phụ liệu</td> <td></td> <td>19.047.282</td> </tr> <tr> <td>Dịch vụ</td> <td></td> <td>92.500.000</td> </tr> <tr> <td><b>CỘNG</b></td> <td><b>2.073.311</b></td> <td><b>113.224.696.937</b></td> </tr> </tbody> </table>	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Quần, áo	7071	154.858.394	Nguyên phụ liệu		211.188.308	Dịch vụ		494.508.412	Máy móc thiết bị	117	3.600.168.920	<b>CỘNG</b>	<b>7188</b>	<b>4.460.724.034</b>	Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị	Gia công may	2.073.311	113.113.149.655	Nguyên phụ liệu		19.047.282	Dịch vụ		92.500.000	<b>CỘNG</b>	<b>2.073.311</b>	<b>113.224.696.937</b>	Giao dịch thường xuyên giữa Công ty với Công ty con						
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Quần, áo	7071	154.858.394																																									
Nguyên phụ liệu		211.188.308																																									
Dịch vụ		494.508.412																																									
Máy móc thiết bị	117	3.600.168.920																																									
<b>CỘNG</b>	<b>7188</b>	<b>4.460.724.034</b>																																									
Giao dịch	Số lượng (cái)	Giá trị																																									
Gia công may	2.073.311	113.113.149.655																																									
Nguyên phụ liệu		19.047.282																																									
Dịch vụ		92.500.000																																									
<b>CỘNG</b>	<b>2.073.311</b>	<b>113.224.696.937</b>																																									

Giao dịch giữa người có liên quan của người nội bộ với công ty con, Công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với người nội bộ Công ty	Tên Công ty con, Cty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Nội dung, thời điểm, giá trị giao dịch với Công ty năm 2020	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Transimex	Người nội bộ Cty : - Ông BUI TUẤN NGOC là Chủ tịch HĐQT Transimex - Ông BUI MINH TUẤN là thành viên HĐQT Transimex	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam là Công ty con do Cty nắm quyền kiểm soát	Transimex vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH Garmex Quảng Nam từ ngày 31/07/2020 đến 31/12/2020 Giá trị: 150.643.176 đồng	Giao dịch thường xuyên giữa tổ chức có liên quan tới người nội bộ với Cty con của Cty

Giao dịch giữa Công ty với đối tượng khác (Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Nội dung, Thời điểm giao Dịch với công ty	Ghi chú
1	Công Ty TNHH Garmex Quảng Nam	Garmex Quảng Nam là Công ty con của Garmex SaiGon - Bà NGUYỄN MINH HẰNG là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Năm 2018 -2019 - 2020 : - Garmex SaiGon giao dịch cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Garmex Quảng Nam - Garmex Quảng Nam gia công may, bán nguyên phụ liệu, cung cấp dịch vụ cho Garmex SaiGon	Giao dịch thường xuyên theo Nghị Quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có

### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty :

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (05 năm) của Công ty có 07 thành viên, không có thành viên độc lập theo quy định của pháp luật về quản trị của Công ty.

Nguyên nhân : Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 05/12/2018 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn, Đại hội đã bầu ra 07 thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (05 năm), không có thành viên độc lập

Giải pháp khắc phục : Từ nay đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 hoặc chậm nhất là Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 sẽ bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V, Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV sẽ tìm ứng viên độc lập Hội đồng quản trị để đề cử cho Đại hội đồng cổ đông quyết định.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán : Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ và hợp nhất được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chấp thuận toàn bộ , cụ thể như sau:
  - Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2020 : “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”
  - Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 : “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm : Ý kiến kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán). Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020. Toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm theo Báo cáo này) và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được đăng tải trên website của Công ty tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2021

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật của Công ty  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÊ HÙNG

# **Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 37

# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên đặt tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú đặt tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban
Bà Lê Thị Chín	Thành viên
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên

# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hùng.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đại diện Ban Tổng Giám đốc:

Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 4 năm 2021





Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61192495/21953053-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 2 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị NN Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1

Nguyễn An Khang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 4611-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.011.789.564.133</b>	<b>820.453.093.414</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>583.690.750.066</b>	<b>232.495.169.949</b>
111	1. Tiền		576.137.750.066	214.315.169.949
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.553.000.000	18.180.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>172.662.237.349</b>	<b>221.745.997.662</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	165.948.073.241	216.234.271.920
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	7.255.149.919	6.339.599.065
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		319.786.729	256.230.121
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(860.772.540)	(1.084.103.444)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>239.044.910.768</b>	<b>330.556.667.514</b>
141	1. Hàng tồn kho		246.053.466.503	338.750.550.113
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.008.555.735)	(8.193.882.599)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.391.665.950</b>	<b>35.655.258.289</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	2.073.650.509	1.076.460.087
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	14.318.015.441	34.578.798.202
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>211.000.907.080</b>	<b>208.534.752.779</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>187.272.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	187.272.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>160.911.732.115</b>	<b>158.334.791.979</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	159.328.605.652	157.348.355.125
222	Nguyên giá		387.023.565.399	376.511.056.271
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(227.694.959.747)	(219.162.701.146)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.583.126.463	986.436.854
228	Nguyên giá		7.900.446.460	6.922.821.015
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.317.319.997)	(5.936.384.161)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>13.130.494.545</b>	<b>11.863.383.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	13.130.494.545	11.863.383.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>14.505.047.291</b>	<b>17.067.478.219</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	11.1	2.069.412.291	4.631.843.219
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.2	15.395.180.000	15.395.180.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	11.2	(2.959.545.000)	(2.959.545.000)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>22.453.633.129</b>	<b>21.081.827.581</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	22.453.633.129	20.988.289.039
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	-	93.538.542
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.222.790.471.213</b>	<b>1.028.987.846.193</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

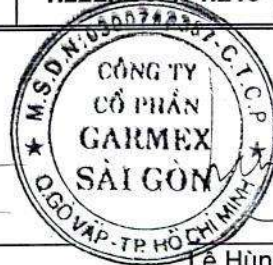
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>564.362.237.238</b>	<b>545.562.879.290</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>547.987.222.224</b>	<b>535.593.787.542</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	82.735.293.955	157.013.335.958
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	3.429.687.611	3.123.284.213
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.857.569.743	10.212.918.235
314	4. Phải trả người lao động		78.327.759.612	88.532.506.545
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	7.098.194.192	8.202.415.062
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.723.483.678	15.972.089.354
320	7. Vay ngắn hạn	16	364.417.918.906	248.523.249.005
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	1.397.314.527	4.013.989.170
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>16.375.015.014</b>	<b>9.969.091.748</b>
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	7.354.595.514	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	9.020.419.500	9.969.091.748
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>658.428.233.975</b>	<b>483.424.966.903</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19.1</b>	<b>658.428.233.975</b>	<b>483.424.966.903</b>
411	1. Vốn cổ phần		300.052.800.000	178.809.280.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.052.800.000	178.809.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		72.687.827.370	28.314.942.370
415	3. Cổ phiếu quỹ		(863.138.686)	(863.138.686)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.086.442.604)	(1.094.916.440)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		67.859.802.989	67.859.802.989
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		219.481.593.007	210.171.523.089
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		173.135.794.518	105.706.776.252
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		46.345.798.489	104.464.746.837
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		295.791.899	227.473.581
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.222.790.471.213</b>	<b>1.028.987.846.193</b>

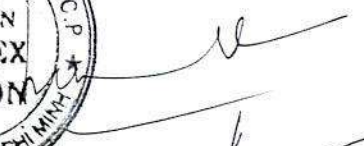


Nguyễn Thị Diễm  
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng





Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

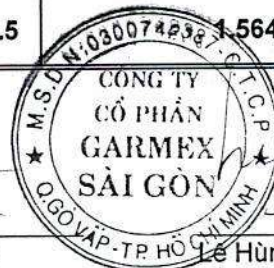
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.474.983.185.591	1.749.298.426.118
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	416.935.007	1.527.441.135
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.474.566.250.584	1.747.770.984.983
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	1.272.029.622.499	1.454.755.430.378
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		202.536.628.085	293.015.554.605
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	11.628.261.875	6.803.791.434
22	7. Chi phí tài chính	22	20.024.437.145	12.768.616.127
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.120.811.733	7.935.437.715
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	11.1	2.562.430.928	-
25	9. Chi phí bán hàng	23	12.579.944.135	21.113.759.101
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	116.632.182.484	128.925.810.508
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		62.365.895.268	137.011.160.303
31	12. Thu nhập khác	24	2.723.657.824	1.371.536.686
32	13. Chi phí khác	24	181.826.598	3.517.201.640
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	2.541.831.226	(2.145.664.954)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		64.907.726.494	134.865.495.349
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	11.045.475.631	29.786.691.833
52	17. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	26.3	7.448.134.056	629.762.182
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		46.414.116.807	104.449.041.334
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		46.345.798.489	104.464.746.837
62	20. Lợi nhuận sau thuế (lỗ) của cổ đông không kiểm soát	19.1	68.318.318	(15.705.503)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	1.564	4.965
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	1.564	4.965



Nguyễn Thị Diễm  
Người lập



Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng



  
Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>64.907.726.494</b>	<b>134.865.495.349</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9	26.094.383.040	27.211.767.831
03	(Hoàn nhập) các khoản dự phòng		(2.357.330.016)	78.377.475
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.736.477.534	1.245.439.615
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		696.991.998	(64.598.727)
06	Chi phí lãi vay	22	8.120.811.733	7.935.437.715
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>100.199.060.783</b>	<b>171.271.919.258</b>
09	Giảm các khoản phải thu		71.170.043.117	102.131.574.466
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		92.697.083.610	(35.791.789.454)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(102.576.101.093)	22.654.276.476
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.462.534.512)	4.477.126.329
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.216.832.166)	(8.310.690.808)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(15.418.948.481)	(49.515.219.324)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.563.253.214)	(3.173.082.775)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>127.828.518.044</b>	<b>203.744.114.168</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(25.830.759.576)	(8.979.256.860)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.643.885.950	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		320.926.696	64.598.727
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(23.865.946.930)</b>	<b>(8.914.658.133)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		133.527.255.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	16	844.756.929.173	1.418.549.453.411
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(730.360.355.435)	(1.509.026.729.512)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.3	-	(4.456.325)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>247.923.828.738</b>	<b>(90.481.732.426)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>351.886.399.852</b>	<b>104.347.723.609</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>232.495.169.949</b>	<b>128.163.362.782</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(690.819.735)	(15.916.442)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>583.690.750.066</b>	<b>232.495.169.949</b>

Nguyễn Thị Diễm  
Người lập

Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng



Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Sản xuất - Xuất Nhập khẩu May Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 5 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300742387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 1 năm 2004, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 101/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và ba (3) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy May Bình Tiên đặt tại số 55E Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy May An Phú đặt tại số 14/5 Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- ▶ Nhà máy May An Nhơn đặt tại số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.183 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.773).

**Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 3 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)
(1) Công ty TNHH Garmex Quảng Nam	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	May mặc	100	100
(2) Công ty TNHH May Tân Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	May mặc	100	100
(3) Công ty TNHH Sài Gòn - Tường Long	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	May mặc	51	51
(4) Blue Saigon LLC (*)	Hoa Kỳ	Kinh doanh hàng may mặc	100	100

(\*) Blue Saigon LLC đang trong quá trình tái cấu trúc và tạm thời ngưng hoạt động vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Các chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 43 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài*

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### 3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc và quần áo may sẵn các loại. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam ngoại trừ Blue Saigon LLC đang hoạt động ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này chiếm không trọng yếu trong tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề may mặc và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	232.692.344	202.228.008
Tiền gửi ngân hàng	575.905.057.722	213.897.185.408
Tiền đang chuyển	-	215.756.533
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>7.553.000.000</u>	<u>18.180.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>583.690.750.066</u></b>	<b><u>232.495.169.949</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 3,3%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	133.863.747.028	216.234.271.920
- Columbia Sportswear Company (Hongkong) Ltd	72.231.382.993	52.923.690.284
- Promiles S.N.C	55.751.336.617	117.012.421.543
- New Wave Group SA	1.947.461.594	15.962.623.641
- Các khách hàng khác	3.933.565.824	30.335.536.452
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>32.084.326.213</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>165.948.073.241</u></b>	<b><u>216.234.271.920</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(860.772.540)</u>	<u>(1.084.103.444)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>165.087.300.701</u></b>	<b><u>215.150.168.476</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.084.103.444	637.095.053
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	212.064.132	596.827.379
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(435.395.036)</u>	<u>(149.818.988)</u>
Số cuối năm	<u>860.772.540</u>	<u>1.084.103.444</u>

**5.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
W.L. Gore & Associates (Hong Kong) Ltd	2.202.437.737	-
Trung tâm Thiết bị Phòng cháy chữa cháy 4/10	1.734.753.340	1.375.773.840
Viking Torch Far East Limited	-	1.940.433.856
Các nhà cung cấp khác	<u>3.317.958.842</u>	<u>3.023.391.369</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.255.149.919</u></b>	<b><u>6.339.599.065</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	134.619.019.770	(3.497.041.742)	216.405.361.118	(3.989.162.911)
Thành phẩm	97.986.179.932	(3.511.513.993)	110.064.964.062	(4.204.719.688)
Hàng đang đi đường	10.381.272.768	-	4.671.097.658	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.680.122.315	-	5.096.973.142	-
Công cụ, dụng cụ	1.275.692.260	-	2.077.686.133	-
Hàng hóa	111.179.458	-	434.468.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>246.053.466.503</u></b>	<b><u>(7.008.555.735)</u></b>	<b><u>338.750.550.113</u></b>	<b><u>(8.193.882.599)</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	8.193.882.599	11.531.605.263
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	7.592.410.138
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(1.185.326.864)</u>	<u>(10.930.132.802)</u>
Số cuối năm	<u>7.008.555.735</u>	<u>8.193.882.599</u>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.073.650.509</b>	<b>1.076.460.087</b>
Chi phí sửa chữa	556.510.247	252.461.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.517.140.262	823.998.753
<b>Dài hạn</b>	<b>22.453.633.129</b>	<b>20.988.289.039</b>
Tiền thuê đất trả trước	13.989.740.356	14.362.700.559
Công cụ, dụng cụ	6.948.326.591	4.228.901.675
Máy móc thiết bị	1.340.012.554	1.668.742.292
Khác	<u>175.553.628</u>	<u>727.944.513</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.527.283.638</u></b>	<b><u>22.064.749.126</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	185.633.822.459	162.031.345.862	14.085.156.513	14.760.731.437	376.511.056.271
Mua mới trong năm	3.897.268.143	18.883.988.286	1.719.065.455	3.289.364.001	27.789.685.885
Thanh lý	-	(15.945.338.605)	(336.495.650)	(992.321.095)	(17.274.155.350)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.021.407)	(3.021.407)
Số cuối năm	<u>189.531.090.602</u>	<u>164.969.995.543</u>	<u>15.467.726.318</u>	<u>17.054.752.936</u>	<u>387.023.565.399</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	26.002.978.288	77.730.714.770	7.685.950.862	10.899.500.972	122.319.144.892
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	67.568.452.106	128.406.710.486	10.595.123.122	12.592.415.432	219.162.701.146
Khấu hao trong năm	8.328.582.934	14.645.182.191	1.124.948.623	1.611.002.551	25.709.716.299
Thanh lý	-	(15.942.076.696)	(336.495.650)	(896.699.125)	(17.175.271.471)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.186.227)	(2.186.227)
Số cuối năm	<u>75.897.035.040</u>	<u>127.109.815.981</u>	<u>11.383.576.095</u>	<u>13.304.532.631</u>	<u>227.694.959.747</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	<u>118.065.370.353</u>	<u>33.624.635.376</u>	<u>3.490.033.391</u>	<u>2.168.316.005</u>	<u>157.348.355.125</u>
Số cuối năm	<u>113.634.055.562</u>	<u>37.860.179.562</u>	<u>4.084.150.223</u>	<u>3.750.220.305</u>	<u>159.328.605.652</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

		VND
		<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	6.922.821.015	
Mua mới trong năm	981.356.350	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.730.905)	
Số cuối năm	<u>7.900.446.460</u>	
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>		4.592.758.965
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	5.936.384.161	
Hao mòn trong năm	384.666.741	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.730.905)	
Số cuối năm	<u>6.317.319.997</u>	
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	<u>986.436.854</u>	
Số cuối năm	<u>1.583.126.463</u>	

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	10.020.000.000
Tiền đất Dự án nhà ở công nhân tại Cụm Công nghiệp Hắc Dịch	1.843.383.000	1.843.383.000
Khác	1.267.111.545	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>13.130.494.545</u>	<u>11.863.383.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.1)	2.069.412.291	-	4.631.843.219	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.2)	15.395.180.000	(2.959.545.000)	15.395.180.000	(2.959.545.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.464.592.291</b>	<b>(2.959.545.000)</b>	<b>20.027.023.219</b>	<b>(2.959.545.000)</b>

**11.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
		%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	May mặc	32,67	2.069.412.291	32,67	4.631.843.219

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

	VND
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>4.341.000.000</u>
<b>Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Số đầu năm	290.843.219
Phần lỗ từ công ty liên kết	<u>(2.562.430.928)</u>
Số cuối năm	<u>(2.271.587.709)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>4.631.843.219</u>
Số cuối năm	<u>2.069.412.291</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**11.2 Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	-	843.950	10.127.400.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	207.701	3.998.050.000	(2.959.545.000)	207.701	3.998.050.000	(2.959.545.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	25.266	1.269.730.000	-	25.266	1.269.730.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.395.180.000</b>	<b>(2.959.545.000)</b>		<b>15.395.180.000</b>	<b>(2.959.545.000)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	82.348.244.329	156.121.487.404
- Desipro Pte. Ltd	9.086.289.436	51.799.778.485
- Công ty TNHH YKK Việt Nam	8.906.053.356	18.154.822.930
- N.I.Teijin Shoji	8.348.286.635	-
- Hikari (Shanghai) Precise Machinery Science and Technology Co. Ltd	6.408.036.450	-
- Khác	49.599.578.452	86.166.885.989
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	387.049.626	891.848.554
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>82.735.293.955</u></b>	<b><u>157.013.335.958</u></b>

**12.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Game Guard	2.895.753.279	-
Topo Designs	-	2.686.337.125
Khác	533.934.332	436.947.088
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.429.687.611</u></b>	<b><u>3.123.284.213</u></b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	<u>34.578.798.202</u>	<u>58.314.294.842</u>	<u>(78.575.077.603)</u>	<u>14.318.015.441</u>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.811.768.322	11.045.475.631	(15.418.948.481)	4.438.295.472
Thuế giá trị gia tăng	775.458.539	18.182.021.968	(17.247.072.378)	1.710.408.129
Thuế thu nhập cá nhân	340.931.887	7.158.379.034	(6.804.628.308)	694.682.613
Thuế khác	<u>284.759.487</u>	<u>2.969.584.702</u>	<u>(3.240.160.660)</u>	<u>14.183.529</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.212.918.235</u></b>	<b><u>39.355.461.335</u></b>	<b><u>(42.710.809.827)</u></b>	<b><u>6.857.569.743</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phép năm	5.492.975.768	5.593.053.043
Chi phí phạt	-	1.207.500.000
Khác	1.605.218.424	1.401.862.019
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.098.194.192</u></b>	<b><u>8.202.415.062</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	2.587.456.172	1.772.518.875
Nhận đặt cọc	-	9.000.000.000
Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông	-	4.499.857.479
Khác	1.136.027.506	699.713.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.723.483.678</u></b>	<b><u>15.972.089.354</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VAY NGẮN HẠN**

	VND				
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
Vay ngân hàng (*)	<u>248.523.249.005</u>	<u>844.756.929.173</u>	<u>(730.360.355.435)</u>	<u>1.498.096.163</u>	<u>364.417.918.906</u>

(\*) Nhóm Công ty có các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Nguyên tệ USD	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>364.417.918.906</u>	<u>15.697.520</u>	Từ 2,4 đến 3,3	Từ ngày 8 tháng 3 năm 2021 đến ngày 13 tháng 11 năm 2021	Tín chấp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	4.013.989.170	5.466.837.861
Sử dụng quỹ	<u>(2.616.674.643)</u>	<u>(1.452.848.691)</u>
Số cuối năm	<u><b>1.397.314.527</b></u>	<u><b>4.013.989.170</b></u>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND							
	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>								
Số đầu năm	155.556.200.000	28.314.942.370	(863.138.686)	67.859.802.989	(1.193.786.099)	130.680.090.336	243.179.084	380.597.289.994
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	104.464.746.837	(15.705.503)	104.449.041.334
Chi khen thưởng và thù lao HĐQT, BKS và cán bộ chủ chốt	-	-	-	-	-	(1.720.234.084)	-	(1.720.234.084)
Cổ tức công bố	23.253.080.000	-	-	-	-	(23.253.080.000)	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	98.869.659	-	-	98.869.659
<b>Số cuối năm</b>	<b>178.809.280.000</b>	<b>28.314.942.370</b>	<b>(863.138.686)</b>	<b>67.859.802.989</b>	<b>(1.094.916.440)</b>	<b>210.171.523.089</b>	<b>227.473.581</b>	<b>483.424.966.903</b>
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm	178.809.280.000	28.314.942.370	(863.138.686)	67.859.802.989	(1.094.916.440)	210.171.523.089	227.473.581	483.424.966.903
Tăng vốn trong năm (*)	89.154.370.000	44.372.885.000	-	-	-	-	-	133.527.255.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	46.345.798.489	68.318.318	46.414.116.807
Cổ tức công bố (**)	32.089.150.000	-	-	-	-	(32.089.150.000)	-	-
Chi khen thưởng và thù lao HĐQT, BKS và cán bộ chủ chốt	-	-	-	-	-	(4.946.578.571)	-	(4.946.578.571)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	8.473.836	-	-	8.473.836
<b>Số cuối năm</b>	<b>300.052.800.000</b>	<b>72.687.827.370</b>	<b>(863.138.686)</b>	<b>67.859.802.989</b>	<b>(1.086.442.604)</b>	<b>219.481.593.007</b>	<b>295.791.899</b>	<b>658.428.233.975</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty được phê duyệt cho việc phát hành 8.915.437 cổ phiếu với giá phát hành là 15.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Vốn cổ phần của Công ty sẽ tăng từ 178.809.280.000 VND lên 267.963.650.000 VND. Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17, chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần này của Công ty và Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn này vào ngày 14 tháng 1 năm 2020.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020 ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35/NQ-HĐQT/2020 ngày 7 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành 3.208.915 cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2019 cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Vốn cổ phần của Công ty tăng từ 267.963.650.000 VND lên 300.052.800.000 VND. Vào ngày 22 tháng 9 năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 18, chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần này của Công ty và Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn này vào ngày 31 tháng 8 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	178.809.280.000	155.556.200.000
Tăng vốn trong năm	89.154.370.000	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	32.089.150.000	23.253.080.000
Số cuối năm	<u>300.052.800.000</u>	<u>178.809.280.000</u>

**19.3 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức công bố trong năm</b>	<b>32.089.150.000</b>	<b>23.253.080.000</b>
Cổ tức bằng cổ phiếu	32.089.150.000	23.253.080.000
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>32.089.150.000</b>	<b>23.257.536.325</b>
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	32.089.150.000	23.253.080.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	4.456.325

**19.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	30.005.280	17.880.928
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.005.280	17.880.928
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(49.260)	(49.260)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.956.020	17.831.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.5 Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	46.345.798.489	104.464.746.837
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (*)	46.345.798.489	104.464.746.837
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	29.639.351	21.040.583
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	1.564	4.965
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	1.564	4.965

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm hiện tại.

(\*\*) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.474.983.185.591</b>	<b>1.749.298.426.118</b>
<i>Doanh thu xuất khẩu</i>	1.346.274.571.830	1.740.865.680.384
<i>Doanh thu nội địa</i>	128.708.613.761	8.432.745.734
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(416.935.007)</b>	<b>(1.527.441.135)</b>
Trong đó:		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(395.745.150)	(434.779.686)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(21.189.857)	(1.092.661.449)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.474.566.250.584</b>	<b>1.747.770.984.983</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần đối với bên khác</i>	1.349.956.392.184	1.747.770.984.983
<i>Doanh thu thuần đối với bên liên quan</i>	124.609.858.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU (tiếp theo)**

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.262.951.243	6.739.192.707
Lãi tiền gửi	300.713.896	64.598.727
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.596.736	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.628.261.875</u></b>	<b><u>6.803.791.434</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.273.214.949.363	1.458.093.153.042
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.185.326.864)</u>	<u>(3.337.722.664)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.272.029.622.499</u></b>	<b><u>1.454.755.430.378</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.903.625.412	4.833.178.412
Chi phí lãi vay	<u>8.120.811.733</u>	<u>7.935.437.715</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.024.437.145</u></b>	<b><u>12.768.616.127</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>12.579.944.135</b>	<b>21.113.759.101</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.579.944.135	20.086.868.703
Chi phí khác	-	1.026.890.398
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>116.632.182.484</b>	<b>128.925.810.508</b>
Chi phí nhân viên	87.916.587.720	94.597.027.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.696.667.177	11.876.197.093
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.470.604.603	8.611.326.272
Chi phí khác	<u>10.548.322.984</u>	<u>13.841.259.866</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>129.212.126.619</u></b>	<b><u>150.039.569.609</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.723.657.824</b>	<b>1.371.536.686</b>
Thanh lý tài sản cố định	1.643.885.950	-
Các khoản khác	1.079.771.874	1.371.536.686
<b>Chi phí khác</b>	<b>(181.826.598)</b>	<b>(3.517.201.640)</b>
Các khoản phạt	(12.045.817)	(1.476.993.220)
Các khoản khác	(169.780.781)	(2.040.208.420)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẬN</b>	<b><u>2.541.831.226</u></b>	<b><u>(2.145.664.954)</u></b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	757.794.877.978	997.693.232.827
Chi phí nhân viên	515.901.726.316	510.478.498.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.381.308.477	76.863.540.304
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 8 và 9)	26.094.383.040	27.211.767.831
Chi phí khác	17.363.310.235	19.652.824.163
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.387.535.606.046</u></b>	<b><u>1.631.899.863.674</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

- ▶ Thuế suất thuế TNDN của Công ty và Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long là 20% thu nhập chịu thuế.
- ▶ Công ty TNHH Garmex Quảng Nam ("Garmex Quảng Nam"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 20% thu nhập chịu thuế. Garmex Quảng Nam được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2017) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Garmex Quảng Nam trong chín (9) năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng tại Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- ▶ Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ"), công ty con của Công ty, chịu thuế suất thuế TNDN là 15% thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm kể từ năm đầu tiên hoạt động (năm 2008) và chịu thuế suất thông dụng theo quy định hiện hành trong những năm tiếp theo. Tân Mỹ được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2010) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tân Mỹ trong bảy (7) năm tiếp theo.
- ▶ Blue Saigon LLC, công ty con của Garmex Quảng Nam, được thành lập tại Hoa Kỳ và có nghĩa vụ nộp thuế TNDN liên bang với thuế suất là 21% thu nhập chịu thuế và thuế TNDN tiểu bang tại mức thấp hơn giữa 8,84% thu nhập chịu thuế và 800 Đô la Mỹ.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.045.475.631	28.022.384.975
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	-	1.764.306.858
	<u>11.045.475.631</u>	<u>29.786.691.833</u>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	7.448.134.056	629.762.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.493.609.687</u></b>	<b><u>30.416.454.015</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>64.907.726.494</u></b>	<b><u>134.865.495.349</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	12.850.191.315	26.157.267.110
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	151.596.632	281.712.190
Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	157.896.502	(63.146.149)
Thu nhập cổ tức	(4.042.560)	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(350.942.245)
Dự phòng phải thu khó đòi	2.378.314.224	936.775.185
Dự phòng đầu tư tài chính	-	(1.708.046.125)
Lỗi từ công ty liên kết	512.486.186	-
Thay đổi dự phòng hàng tồn kho	(166.526.166)	-
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	2.649.440.744	4.216.188.698
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	1.764.306.858
Thuế TNDN được giảm trong năm	(35.747.190)	(817.661.507)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>18.493.609.687</u></b>	<b><u>30.416.454.015</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận (thuế TNDN hoãn lại phải trả) tài sản thuế TNDN hoãn lại cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	VND			
Dự phòng trợ cấp thời việc phải trả	1.804.083.900	1.993.818.349	(189.734.449)	593.818.349
Dự phòng đầu tư	(3.746.622.085)	(1.210.422.074)	(2.536.200.011)	1.708.046.125
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.412.057.329)	(689.857.733)	(4.722.199.596)	(2.931.626.656)
<b>(Thuế TNDN hoãn lại phải trả) tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b>(7.354.595.514)</b>	<b>93.538.542</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>(7.448.134.056)</b>	<b>(629.762.182)</b>

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần SXXD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Gia công hàng hóa	124.609.858.400	-
		Chi phí phạt	86.554.890	-
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Phí vận chuyển	2.455.394.453	2.926.026.284
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	448.151.010	707.627.520



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Doanh thu gia công	32.084.326.213	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Transimex	Đồng nhân sự chủ chốt	Phí vận chuyển	250.667.579	834.650.622
Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Đồng nhân sự chủ chốt	Chi phí phạt	73.005.855	-
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết	Phí dịch vụ	63.376.192	57.197.932
			<b>387.049.626</b>	<b>891.848.554</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm kế toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	7.219.280.094	7.226.516.058

**28. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngoại tệ:	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	24.867.842,10	8.956.358,06





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

  
Nguyễn Thị Diễm  
Người lập

  
  
  
Trần Thị Mỹ Hạnh  
Kế toán trưởng  
Lê Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2021